

LỜI MỞ ĐẦU

Hiện nay nước ta đang trong quá trình chuyển đổi kinh tế mạnh mẽ sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Nền kinh tế mở cửa tạo ra cho các doanh nghiệp rất nhiều cơ hội nhưng cũng không ít thách thức. Làm thế nào để có thể tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, tăng doanh thu và lợi nhuận luôn là một câu hỏi được đặt ra với các nhà quản lý.

Chính vì vậy, kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm được xác định là một khâu quan trọng của công tác kế toán trong doanh nghiệp sản xuất. Công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành với chức năng giám sát, phản ánh trung thực kịp thời tình hình sử dụng vật tư, lao động có hiệu quả hay không, tình hình thực hiện kế hoạch giá thành... đã giúp cho nhà quản trị đề ra các biện pháp quản lý kinh tế có hiệu quả. Do đó việc hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành là việc làm thực sự cần thiết và có ý nghĩa.

Nhận thức được vấn đề trên, qua quá trình thực tập tại Công ty cổ phần Hoàng Tân với sự giúp đỡ tận tình của thầy giáo – Thạc sĩ Nguyễn Văn Thụ, ban giám đốc và phòng kế toán Công ty cổ phần Hoàng Tân, em đã có cơ hội đi sâu tìm hiểu thực tế công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty. Do vậy em đã chọn đề tài **“Hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty cổ phần Hoàng Tân”** làm đề tài cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

Khóa luận tốt nghiệp của em gồm 3 phần chính như sau:

Chương I: Những lý luận chung về tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại doanh nghiệp sản xuất

Chương II: Thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần Hoàng Tân.

Chương III: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần Hoàng Tân.

Do thời gian thực tập còn ít và khả năng của bản thân còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi thiếu sót. Em rất mong nhận được ý kiến đóng

góp của thầy cô và các bạn đề bài viết của em được hoàn thiện hơn. Em xin chân thành cảm ơn.

Hải Phòng, ngày..... tháng..... năm.....

Sinh viên

Nguyễn Thị Ph^ong Nhung

CHƯƠNG I

NHỮNG LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1. Những vấn đề chung về tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất

Trong điều kiện cạnh tranh gay gắt của nền kinh tế thị trường, các quan hệ sản xuất kinh doanh, tài chính, tín dụng ngày càng trở nên phức tạp. Doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển đòi hỏi phải nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường. Tức là bên cạnh việc chú ý tới chất lượng, kiểu dáng, mẫu mã của sản phẩm thì một trong những biện pháp quan trọng là phải quản lý chặt chẽ tới mọi khoản chi phí, hạ thấp được giá thành sản phẩm.

Xét trong phạm vi một doanh nghiệp, giá thành sản phẩm thấp là điều kiện để xác định giá bán hợp lý. Từ đó không những giúp doanh nghiệp đẩy nhanh được quá trình tiêu thụ sản phẩm mà còn tạo điều kiện tái sản xuất giản đơn và mở rộng cho quá trình sản xuất. Song song với việc nâng cao chất lượng sản phẩm, doanh nghiệp còn phải tìm mọi cách để hạ giá thành sản phẩm.

Muốn vậy các doanh nghiệp phải coi trọng công tác kế toán, đặc biệt là kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành. Đây chính là chìa khóa để doanh nghiệp có thể quản lý và thực hiện các biện pháp giúp làm giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm. Đồng thời làm tốt công tác tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm sẽ giúp cho doanh nghiệp nhìn nhận đúng đắn thực trạng của quá trình sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, có sự chủ động sáng tạo trong sản xuất kinh doanh.

1.1.2. Vai trò của tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất

Công tác kế toán là một trong những công cụ quản lý kinh tế có hiệu quả với chức năng phản ánh và giám đốc một cách liên tục, toàn diện và có hệ thống các

mặt hoạt động kinh tế tài chính ở doanh nghiệp nói chung và hạch toán chi phí sản xuất tính giá thành nói riêng. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành là phần hành kế toán quan trọng có liên quan đến nhiều phần hành kế toán khác như nguyên vật liệu, tiền lương, tài sản cố định, xác định kết quả kinh doanh... Thông tin về chi phí và giá thành là cơ sở cho việc xác định kết quả kinh doanh, xác định điểm hòa vốn, mức lợi nhuận sản phẩm...

Bằng việc kết hợp giữa các phương pháp tính giá, chứng từ, đối ứng tài khoản, tổng hợp cân đối kế toán, công tác kế toán chi phí sản xuất tính giá thành sản phẩm đã ghi nhận và phản ánh sự vận động, biến đổi không ngừng cả về hình thái hiện vật và giá trị của vật tư, sản phẩm, lao vụ, dịch vụ... trong quá trình sản xuất vào chứng từ, tài khoản kế toán và tổng hợp các thông tin khác nhau qua các báo cáo. Do đó đã thực hiện tốt việc hạch toán một cách chặt chẽ quá trình sản xuất. Theo đó, hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm không những đáp ứng được yêu cầu trong quản lý chi phí sản xuất tính giá thành sản phẩm mà còn cung cấp các thông tin về kinh tế tài chính quan trọng về quá trình sản xuất cho nhà quản lý, góp phần đề ra các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.3. Yêu cầu, nhiệm vụ của tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất

Xuất phát từ yêu cầu quản lý đòi hỏi kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phải thực hiện tốt các nhiệm vụ:

- Xác định đúng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm phù hợp với đặc điểm quy trình công nghệ, đặc điểm tổ chức sản xuất của doanh nghiệp.
- Tổ chức kế toán tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất theo đúng đối tượng đã xác định và lựa chọn phương pháp hạch toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm thích hợp.
- Thực hiện tổ chức chứng từ, hạch toán ban đầu, hệ thống tài khoản, sổ kế toán phù hợp với nguyên tắc, chuẩn mực, chế độ kế toán đảm bảo đáp ứng được

yêu cầu thu nhận – xử lý – hệ thống hóa thông tin về chi phí, giá thành của doanh nghiệp.

– Lập các báo cáo kế toán về chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm; phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành, đề ra các biện pháp tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm.

1.2. Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

1.2.1. Chi phí sản xuất và phân loại chi phí sản xuất

***Chi phí sản xuất**

Chi phí sản xuất là toàn bộ các khoản chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện quá trình sản xuất và đạt được mục đích là tạo ra sản phẩm. Xác định nội dung của chi phí sản xuất để thấy được bản chất của chi phí sản xuất là vấn đề có ý nghĩa quan trọng trong quản lý chi phí sản xuất của doanh nghiệp.

Để tiến hành sản xuất một sản phẩm hay dịch vụ bất kì, người sản xuất cần phải có đầy đủ các yếu tố cơ bản là: Lao động, tư liệu lao động và đối tượng lao động. Quá trình sử dụng các yếu tố cơ bản trong sản xuất cũng đồng thời là quá trình doanh nghiệp phải bỏ ra những khoản chi phí sản xuất tương ứng: tương ứng với việc sử dụng tài sản cố định là chi phí khấu hao tài sản cố định; tương ứng với việc sử dụng nguyên vật liệu là chi phí về nguyên vật liệu;.... Như vậy thực chất chi phí là sự chuyển dịch vốn – chuyển dịch giá trị của các yếu tố sản xuất vào các đối tượng tính giá nhất định.

***Phân loại chi phí sản xuất**

Chi phí sản xuất để tạo ra sản phẩm, thực hiện dịch vụ của các doanh nghiệp bao gồm rất nhiều loại với nội dung kinh tế, mục đích công dụng và phát sinh ở nhiều địa điểm khác nhau. Hạch toán chi phí sản xuất theo từng loại sẽ nâng cao tính chi tiết của thông tin hạch toán, phục vụ cho công tác quản lý đồng thời làm cơ sở để đề ra các biện pháp giảm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh tế.

Để thuận lợi cho công tác quản lý và hạch toán, chi phí sản xuất được phân loại theo những tiêu thức khác nhau. Xét trên góc độ kế toán tài chính thì chi phí sản xuất của doanh nghiệp được phân loại theo các tiêu thức chủ yếu sau:

a) Phân loại chi phí sản xuất theo nội dung, tính chất kinh tế của chi phí
(Phân loại theo yếu tố chi phí)

Căn cứ vào nội dung, tính chất kinh tế ban đầu của chi phí sản xuất để chia ra các yếu tố chi phí. Mỗi yếu tố chi phí bao gồm những chi phí có cùng nội dung kinh tế ban đầu thống nhất mà không phân biệt công dụng cụ thể hay địa điểm phát sinh chi phí. Bao gồm:

- *Chi phí nguyên vật liệu:* Bao gồm toàn bộ giá trị (giá mua, chi phí thu mua) của các loại nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu, phụ tùng thay thế, công cụ dụng cụ sử dụng cho hoạt động sản xuất trong kì.
- *Chi phí nhân công:* Bao gồm các khoản chi phí về tiền lương phải trả cho người lao động, các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn theo tiền lương của người lao động.
- *Chi phí khấu hao tài sản cố định:* Bao gồm chi phí khấu hao toàn bộ tài sản cố định dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong kì của doanh nghiệp.
- *Chi phí dịch vụ mua ngoài:* Bao gồm toàn bộ chi phí doanh nghiệp đã chi trả về các loại dịch vụ mua ngoài như tiền điện, tiền nước, điện thoại và các dịch vụ khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kì.
- *Chi phí khác bằng tiền:* Gồm các khoản chi phí khác dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh ngoài các chỉ tiêu trên.

Với cách phân loại này doanh nghiệp biết được cơ cấu, tỉ trọng từng yếu tố chi phí. Đồng thời là cơ sở để phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch chi phí sản xuất, làm cơ sở cho việc lập dự toán chi phí sản xuất.

b) Phân loại chi phí theo khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm

Với cách phân loại này những chi phí có cùng công dụng kinh tế và mức phân bổ chi phí cho từng đối tượng thì được sắp xếp vào một khoản mục không phân biệt tính chất kinh tế.

- *Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:* Phản ánh toàn bộ chi phí về nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ, nhiên liệu... tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất chế tạo sản phẩm hay thực hiện dịch vụ.

- *Chi phí nhân công trực tiếp:* Gồm tiền lương, phụ cấp lương và các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm.

- *Chi phí sản xuất chung:* Là những chi phí dùng vào việc quản lý và phục vụ sản xuất chung tại bộ phận sản xuất (phân xưởng, tổ đội...) ngoài hai khoản mục chi phí ở trên gồm các khoản sau:

- ✓ Chi phí nhân viên phân xưởng: Gồm tiền lương, phụ cấp và các khoản trích theo lương của nhân viên quản lý, bảo vệ, phục vụ... tại phân xưởng

- ✓ Chi phí vật liệu, dụng cụ sản xuất: Phản ánh chi phí vật liệu (vật liệu để sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định, vật liệu văn phòng...) và chi phí công cụ dụng cụ dùng cho nhu cầu sản xuất chung ở phân xưởng.

- ✓ Chi phí khấu hao TSCĐ: Phản ánh toàn bộ số tiền trích khấu hao của TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính sử dụng ở phân xưởng.

- ✓ Chi phí dịch vụ mua ngoài: Bao gồm các khoản chi phí về dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài phục vụ cho nhu cầu sản xuất chung của phân xưởng.

- ✓ Chi phí bằng tiền khác: Bao gồm các khoản chi phí bằng tiền ngoài các khoản chi phí trên.

Cách phân loại chi phí này có tác dụng phục vụ cho nhu cầu quản lý chi phí sản xuất theo định mức, là cơ sở cho kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo khoản mục, là căn cứ để phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành và định mức chi phí cho kỳ sau.

c) *Phân loại chi phí theo mối quan hệ giữa chi phí sản xuất với đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất*

Theo cách phân loại này chi phí chia làm 2 loại:

- *Chi phí trực tiếp:* Là những khoản chi phí sản xuất quan hệ trực tiếp đến việc sản xuất ra một loại sản phẩm, dịch vụ nhất định. Kế toán có thể căn cứ vào số liệu trên chứng từ kế toán để ghi trực tiếp cho từng đối tượng chịu chi phí.

- *Chi phí gián tiếp:* Là những khoản chi phí có liên quan đến nhiều loại sản phẩm, dịch vụ. Kế toán phải tập hợp chung sau đó tiến hành phân bổ cho các đối tượng có liên quan theo một tiêu thức thích hợp.

Cách phân loại này có ý nghĩa đối với việc xác định các phương pháp kế toán tập hợp và phân bổ chi phí cho các đối tượng một cách đúng đắn, hợp lý và qua đó cung cấp thông tin cho các nhà quản trị để có những quyết sách kịp thời, hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

1.2.2. Giá thành sản phẩm và phân loại giá thành sản phẩm

***Giá thành sản phẩm**

Giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền các chi phí sản xuất tính cho một khối lượng sản phẩm nhất định hoàn thành. Đồng thời giá thành còn là cơ sở để doanh nghiệp xác định giá bán của sản phẩm và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm đều có sự giống nhau về bản chất (mặt định tính). Đó đều là các chi phí biểu hiện bằng tiền song lại có sự khác nhau về mặt định lượng bởi các khoản chi phí về sản phẩm dở dang đầu kì, cuối kì hoặc những chi phí trả trước, chi phí phải trả... Chi phí sản xuất là cơ sở để tính ra giá thành sản phẩm, còn giá thành sản phẩm lại là cơ sở để đánh giá việc thực hiện các định mức, dự toán chi phí, kế hoạch hạ giá thành sản phẩm của doanh nghiệp và làm cơ sở để lập dự toán, định mức chi phí sản xuất cho kì sau.

***Phân loại giá thành sản phẩm**

Cũng như chi phí sản xuất, tùy theo mục đích quản lý và yêu cầu hạch toán mà giá thành sản phẩm được phân loại và xem xét dưới nhiều góc độ khác nhau

a) Phân loại giá thành sản phẩm theo thời điểm và nguồn số liệu tính giá thành

Xét theo thời điểm tính và nguồn số liệu để tính giá thành, giá thành sản phẩm chia thành: giá thành kế hoạch, giá thành định mức và giá thành thực tế

- **Giá thành kế hoạch:** Là giá thành được tính toán, xác định trên cơ sở chi phí sản xuất và sản lượng kế hoạch và được bộ phận kế toán tiến hành trước khi bắt đầu quá trình sản xuất chế tạo sản phẩm. Chỉ tiêu này được xem là mục tiêu phấn đấu, là cơ sở để đánh giá, phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành của doanh nghiệp.

- **Giá thành định mức:** Là giá thành được tính trên cơ sở các định mức chi phí hiện hành và chỉ tính cho đơn vị sản phẩm. Việc tính giá thành định mức được tiến hành trước khi sản xuất, chế tạo sản phẩm. Giá thành định mức là thước đo để xác định kết quả việc sử dụng các loại tài sản, vật tư, tiền vốn trong doanh nghiệp.

- **Giá thành thực tế:** Là giá thành được tính toán trên cơ sở các chi phí sản xuất thực tế phát sinh và sản lượng sản phẩm thực tế sản xuất được sau khi kết thúc quá trình sản xuất. Giá thành thực tế được coi là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Cách phân loại này có tác dụng trong việc quản lý và giám sát chi phí, xác định được các nguyên nhân gây vượt hoặc hao hụt định mức chi phí trong kì. Từ đó điều chỉnh kế hoạch hoặc định mức chi phí cho phù hợp.

b) Phân loại giá thành sản phẩm theo nội dung, phạm vi phát sinh các chi phí cấu thành

Theo phạm vi phát sinh chi phí, giá thành được chia thành 2 loại:

- **Giá thành sản xuất:** Là giá thành thực tế của sản phẩm bao gồm các chi phí thực tế cấu thành nên sản phẩm gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung. Giá thành sản xuất là căn cứ để tính giá vốn của hàng bán và tính toán lãi gộp trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- **Giá thành toàn bộ của sản phẩm tiêu thụ:** Là giá thành sản xuất cộng với các chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tính cho số sản phẩm đã bán và đã xác định là tiêu thụ.

Cách phân loại này giúp nhà quản lý biết được kết quả kinh doanh của từng mặt hàng, từng loại dịch vụ mà doanh nghiệp kinh doanh.

1.3.Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất

1.3.1.Đối tượng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

***Đối tượng kế toán chi phí sản xuất**

Chi phí sản xuất phát sinh trong các doanh nghiệp bao gồm nhiều loại, mỗi loại mang một nội dung kinh tế, công dụng và phát sinh tại những địa điểm và thời

gian khác nhau. Kế toán cần xác định đúng đắn đối tượng tập hợp chi phí sản xuất để từ đó tổ chức thực hiện công tác tập hợp chi phí sản xuất, cung cấp số liệu cho việc tính giá thành sản phẩm.

Đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất là những phạm vi, giới hạn mà chi phí sản xuất thực tế phát sinh cần được tập hợp.

Để xác định đúng đắn đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất cần phải căn cứ vào những đặc điểm như: Đặc điểm quy trình công nghệ, đặc điểm tổ chức sản xuất, yêu cầu trình độ quản lý của doanh nghiệp, yêu cầu tính giá thành. Trên cơ sở những đặc điểm này, đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp có thể là:

- Từng phân xưởng, bộ phận sản xuất
- Từng chi tiết, bộ phận của sản phẩm
- Từng loại sản phẩm, dịch vụ
- Từng đơn đặt hàng, nhóm sản phẩm cùng loại...

****Đối tượng tính giá thành sản phẩm***

Đối tượng tính giá thành sản phẩm là những sản phẩm, công việc, dịch vụ mà doanh nghiệp đã sản xuất hoàn thành cần phải tính tổng giá thành và giá thành đơn vị. Trong thực tế, một đối tượng kế toán chi phí sản xuất có thể trùng với một đối tượng tính giá thành hoặc một đối tượng kế toán chi phí sản xuất lại có nhiều đối tượng tính giá thành hoặc ngược lại có nhiều đối tượng kế toán chi phí sản xuất nhưng chỉ có một đối tượng tính giá thành.

Xác định đối tượng tính giá thành sản phẩm gắn liền với cơ cấu tổ chức sản xuất và quy trình công nghệ. Tùy vào từng loại hình sản xuất, vào đặc điểm quy trình công nghệ hay vào đặc điểm cung cấp, sử dụng của từng loại sản phẩm mà đối tượng tính giá thành có thể là thành phẩm hoặc bán thành phẩm ở từng bước chế tạo.

Kỳ tính giá thành: là thời kỳ bộ phận kế toán giá thành cần phải tiến hành công việc tính giá thành cho các đối tượng tính giá thành. Tùy theo chu kỳ sản xuất dài hay ngắn cũng như đặc điểm sản xuất sản phẩm mà xác định kỳ tính giá thành

cho phù hợp, có thể là cuối tháng, cuối năm hoặc khi đã thực hiện hoàn thành đơn đặt hàng, hoàn thành hạng mục công trình...

1.3.2. Phương pháp kế toán tập hợp chi phí sản xuất

Chi phí sản xuất phát sinh ở các địa điểm khác nhau thì có nội dung kinh tế và mục đích khác nhau đối với quá trình sản xuất chế tạo sản phẩm, có chi phí chỉ liên quan đến một đối tượng, có chi phí lại liên quan đến nhiều đối tượng chi phí. Tùy theo từng loại chi phí và điều kiện cụ thể, kế toán có thể vận dụng 2 phương pháp tập hợp chi phí chính là:

a) Phương pháp trực tiếp

Phương pháp này áp dụng trong trường hợp chi phí sản xuất phát sinh có liên quan trực tiếp đến từng đối tượng kế toán chi phí sản xuất riêng biệt. Do đó, có thể căn cứ vào chứng từ ban đầu để hạch toán trực tiếp cho từng đối tượng riêng biệt.

Đây là phương pháp tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng chịu chi phí nên đảm bảo độ chính xác cao, nó cũng có ý nghĩa lớn đối với kế toán quản trị doanh nghiệp.

b) Phương pháp gián tiếp

Áp dụng trong trường hợp chi phí sản xuất phát sinh có liên quan đến nhiều đối tượng kế toán chi phí, không tổ chức ghi chép ban đầu riêng cho từng đối tượng được. Trong trường hợp đó phải tập hợp chung cho nhiều đối tượng sau đó lựa chọn tiêu thức phân bổ thích hợp để phân bổ khoản chi phí này cho từng đối tượng kế toán chi phí. Lựa chọn tiêu thức phân bổ hợp lý là cơ sở để tập hợp chi phí chính xác cho các đối tượng tính giá thành có liên quan. Việc lựa chọn phải tùy thuộc vào loại chi phí sản xuất và các điều kiện cho phép khác như: định mức tiêu hao nguyên vật liệu, sản lượng sản xuất.

Việc phân bổ chi phí cho từng đối tượng được tiến hành theo trình tự:

- Xác định hệ số phân bổ:

$$\text{Hệ số phân bổ} = \frac{\text{Tổng chi phí cần phân bổ}}{\text{Tổng tiêu thức dùng để phân bổ}}$$

- Xác định chi phí cần phân bổ cho từng đối tượng cụ thể:

$$C_i = H \times T_i$$

Trong đó: Ci: Chi phí phân bổ cho đối tượng i

H: Hệ số phân bổ chi phí

Ti: Tiêu thức phân bổ cho đối tượng i

1.3.3. Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang

Sản phẩm dở dang là những sản phẩm chưa hoàn thành đầy đủ các bước gia công chế biến trong quy trình công nghệ, còn đang nằm trong quá trình sản xuất. Để tính được giá thành sản phẩm, doanh nghiệp cần phải tiến hành kiểm kê, xác định mức độ hoàn thành của sản phẩm và đánh giá sản phẩm dở dang.

Việc đánh giá sản phẩm dở dang cuối kì là một công việc rất phức tạp vì vậy không thể đòi hỏi một sự chính xác tuyệt đối mà kế toán phải phụ thuộc vào đặc điểm, tình hình cụ thể về tổ chức sản xuất, quy trình công nghệ, tính chất cấu thành của chi phí và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp để vận dụng phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang thích hợp.

a) Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kì theo chi phí NVL trực tiếp (Chi phí NVL chính)

Phương pháp được áp dụng đối với những doanh nghiệp mà trong cấu thành của sản phẩm thì chi phí nguyên vật liệu trực tiếp hoặc chi phí nguyên vật liệu chính được bỏ ra ngay từ đầu của quá trình sản xuất và chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí, thông thường lớn hơn 70%.

Theo phương pháp này, trong giá trị sản phẩm dở dang chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp hoặc chi phí nguyên vật liệu chính, còn các chi phí chế biến không tính cho sản phẩm dở dang mà tính hết vào sản phẩm hoàn thành.

Công thức tính:

$$\text{Giá trị SPDDCK} = \frac{\text{Giá trị SPDD đầu kỳ} + \text{CPNVLTT phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng SP hoàn thành trong kỳ} + \text{Số lượng SPDD cuối kỳ}} \times \text{Số lượng SPDDCK}$$

Ưu điểm của phương pháp này là đơn giản về tính toán, kịp thời phục vụ cho việc tính giá thành được nhanh chóng. Tuy nhiên do không tính chi phí chế biến cho sản phẩm dở dang nên giá thành của thành phẩm có độ chính xác thấp.

b) Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kì theo phương pháp mức độ sản phẩm hoàn thành tương đương

Theo phương pháp này, sản lượng sản phẩm dở dang cuối kì phải chịu toàn bộ chi phí sản xuất trong kì theo mức độ hoàn thành thích hợp. Do vậy kế toán phải căn cứ vào khối lượng sản phẩm dở dang và mức độ chế biến chúng để tính ra khối lượng sản phẩm dở dang tương đương với sản phẩm hoàn thành.

Nếu chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được bỏ ra ngay từ đầu của quá trình sản xuất thì chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thì vẫn tính theo công thức như ở phương pháp 1, còn chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung thì được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị} \\ \text{SPDD} \\ \text{cuối kì} \end{array} = \frac{\text{Giá trị SPDD đầu kì} + \text{CP phát sinh trong kì}}{\text{Số lượng SP hoàn thành trong kì} + \text{Số lượng SPDD quy đổi}} \times \begin{array}{l} \text{Số lượng} \\ \text{SPDD} \\ \text{quy đổi} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{Số lượng SPDD} \\ \text{quy đổi} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng} \\ \text{SP DDCK} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Mức độ hoàn thành} \\ \text{được xác định} \end{array}$$

Nếu chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được bỏ dần vào trong quá trình sản xuất thì chi phí sản xuất dở dang cuối kì được xác định như công thức trên.

Đánh giá sản phẩm dở dang theo phương pháp mức độ sản phẩm hoàn thành tương đương có ưu điểm là tính toán được đầy đủ các khoản mục chi phí, kết quả tính toán có mức chính xác cao nhưng khối lượng tính toán lớn và tốn nhiều thời gian. Phương pháp này thích hợp với những doanh nghiệp có quy trình sản xuất bỏ chi phí NVLTT, chi phí NCTT và chi phí SXC một cách đều đặn vào suốt quy trình sản xuất, khối lượng sản phẩm dở dang cuối kì lớn, thường xuyên biến động.

c) Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kì theo chi phí định mức

Phương pháp này áp dụng thích hợp với những doanh nghiệp đã xây dựng được chi phí sản xuất hoặc giá thành định mức đồng thời khối lượng sản phẩm dở dang cuối kì khá ổn định. Do vậy chỉ cần căn cứ vào khối lượng sản phẩm dở dang

cuối kì và định mức chi phí sản xuất hoặc giá thành định mức đơn vị sản phẩm để tính ra chi phí sản xuất dở dang cuối kì.

$$\text{Giá trị SPDD cuối kì} = \text{Số lượng SPDD} \times \text{CP định mức} \times \text{Mức độ hoàn thành}$$

Phương pháp này có ưu điểm tính toán đơn giản thuận tiện nếu doanh nghiệp đã xác định được định mức chi phí khoa học, hợp lý.

1.3.4. Phương pháp tính giá thành sản phẩm

Phương pháp tính giá thành sản phẩm là phương pháp sử dụng số liệu chi phí sản xuất đã tập hợp được trong kì và các tài liệu liên quan để tính toán tổng giá thành sản xuất và giá thành đơn vị thực tế của sản phẩm, dịch vụ đã hoàn thành theo từng đối tượng tính giá thành và từng khoản mục chi phí. Các phương pháp tính giá thành cơ bản trong các doanh nghiệp là:

a) Tính giá thành sản phẩm theo phương pháp giản đơn

Theo phương pháp này giá thành sản phẩm được tính bằng cách căn cứ trực tiếp vào chi phí sản xuất đã tập hợp được trong kì và giá trị sản phẩm dở dang đầu kì, cuối kì để tính:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng giá thành} & & \text{Giá trị SPDD} & & \text{CPSX phát} & & \text{Giá trị SPDD} \\ \text{sản phẩm} & = & \text{đầu kỳ} & + & \text{sinh trong kỳ} & - & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

$$\begin{array}{ccc} \text{Giá thành đơn vị} & & \text{Tổng giá thành sản phẩm} \\ \text{sản phẩm} & = & \frac{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành trong kỳ}} \end{array}$$

Phương pháp này được áp dụng thích hợp với các doanh nghiệp có quy trình công nghệ giản đơn, sản xuất khép kín, chủng loại mặt hàng ít, khối lượng lớn, chu kì sản xuất ngắn, có thể có hoặc không có sản phẩm dở dang. Ưu điểm của phương pháp này là rất đơn giản, dễ tính toán và có thể cung cấp các chỉ tiêu giá thành một cách kịp thời trong công tác quản lý song độ chính xác không cao.

b) Tính giá thành sản phẩm theo phương pháp hệ số

Phương pháp này được áp dụng thích hợp với các doanh nghiệp trong cùng một quy trình công nghệ thu được nhiều loại sản phẩm khác nhau với cùng lượng nguyên vật liệu trực tiếp bỏ vào từ đầu quá trình sản xuất. Trong trường hợp này

đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là toàn bộ quy trình công nghệ, còn đối tượng tính giá thành là từng loại sản phẩm. Kỳ tính giá thành phù hợp với kỳ báo cáo.

Để tính giá thành kế toán phải căn cứ vào định mức kinh tế kỹ thuật và các tiêu chuẩn hợp lý để xác định cho mỗi loại sản phẩm một hệ số giá thành.

– Căn cứ vào sản lượng sản phẩm thực tế hoàn thành của từng loại sản phẩm và hệ số giá thành quy ước cho từng loại sản phẩm đó để tính ra sản lượng quy đổi.

$$\text{Sản lượng quy đổi} = \sum (\text{Sản lượng thực tế} \times \text{Hệ số quy đổi của từng loại})$$

– Sau đó, xác định hệ số phân bổ chi phí của từng loại sản phẩm theo công thức:

$$\text{Hệ số phân bổ chi phí} = \frac{\text{Sản lượng quy đổi của từng loại}}{\text{Tổng sản lượng quy đổi}}$$

– Từ hệ số phân bổ chi phí tính được chi phí cần phân bổ cho từng loại sản phẩm, sau đó tính giá thành sản phẩm theo khoản mục chi phí

$$\text{Giá thành} = \left[\text{Chi phí dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí phát sinh trong kỳ} - \text{Chi phí dở dang cuối kỳ} \right] \times \text{Hệ số phân bổ}$$

$$\text{Giá thành đơn vị} = \frac{\text{Giá thành}}{\text{Số lượng sản phẩm sản xuất trong tháng}}$$

c) Tính giá thành sản phẩm theo phương pháp tỷ lệ

Phương pháp này áp dụng trong trường hợp cùng một quy trình sản xuất tạo ra nhiều loại sản phẩm và không thể theo dõi chi tiết chi phí cho từng loại sản phẩm nhưng cũng không thể xác lập được hệ số quy đổi giữa các loại sản phẩm. Trong trường hợp này đối tượng tập hợp chi phí sản xuất vẫn là toàn bộ quy trình công nghệ, còn đối tượng tính giá thành là sản phẩm hoàn thành của từng loại.

Giá thành sản phẩm thực tế của từng loại sản phẩm được xác định căn cứ vào giá thành kế hoạch hoặc định mức và tỷ lệ chi phí.

$$\begin{array}{c} \text{Giá thành thực tế} \\ \text{của từng loại SP} \end{array} = \begin{array}{c} \text{Giá thành kế hoạch} \\ \text{của từng loại SP} \end{array} \times \text{Tỷ lệ}$$

$$\text{Tỷ lệ chi phí} = \frac{\text{Tổng giá thành thực tế của các loại sản phẩm}}{\text{Tổng giá thành kế hoạch của các loại sản phẩm}}$$

d) Tính giá thành sản phẩm theo phương pháp đơn đặt hàng

Đặc điểm của phương pháp này là áp dụng với những sản phẩm có quy trình công nghệ phức tạp kiểu song song, tổ chức sản xuất đơn chiếc và hàng loạt theo đơn đặt hàng hoặc hợp đồng kinh tế của khách hàng. Phương pháp này có chu kỳ sản xuất riêng rẽ nên đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất là từng đơn vị phân xưởng và từng đơn đặt hàng được sản xuất ở phân xưởng đó. Còn đối tượng tính giá thành là thành phẩm của từng đơn đặt hàng.

Giá thành của từng đơn đặt hàng là toàn bộ chi phí phát sinh kể từ lúc bắt đầu thực hiện cho đến hoàn thành đơn đặt hàng đúng theo tiêu chuẩn kỹ thuật đã được thỏa thuận theo hợp đồng sản xuất.

Việc tính giá thành chỉ được tiến hành khi đơn đặt hàng hoàn thành, đối với những đơn đặt hàng đến kỳ báo cáo chưa hoàn thành thì toàn bộ chi phí tập hợp được theo đơn hàng đó chính là chi phí sản xuất dở dang của đơn đặt hàng.

e) Tính giá thành sản phẩm theo phương pháp phân bước

Phương pháp tính giá thành phân bước được áp dụng thích hợp với những sản phẩm có quy trình công nghệ sản xuất phức tạp kiểu liên tục, tổ chức sản xuất nhiều và ổn định, chu kỳ sản xuất ngắn, xen kẽ liên tục.

Khi thực hiện phương pháp phân bước thì đối tượng hạch toán chi phí sản xuất phải được tổ chức chi tiết theo từng giai đoạn công nghệ hoặc theo từng phân xưởng sản xuất riêng biệt. Đối tượng tính giá thành có thể là bán thành phẩm hoặc chi tiết sản phẩm của từng giai đoạn công nghệ hoặc phân xưởng sản xuất và sản phẩm hoàn chỉnh.

Có hai trường hợp tính giá thành phân bước là:

i. Tính giá thành phân bước không tính giá bán thành phẩm

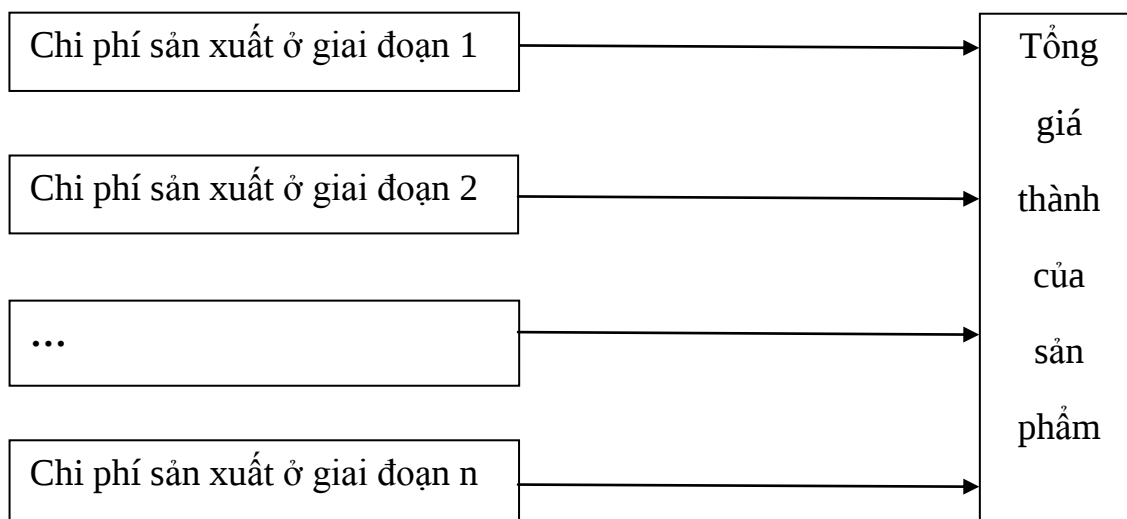
Phương pháp này áp dụng trong trường hợp quy trình công nghệ sản xuất bao gồm nhiều chi tiết bộ phận. Các chi tiết bộ phận của sản phẩm được sản xuất song song đồng thời với nhau và sản phẩm hoàn thành ở giai đoạn lắp ráp.

Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là từng giai đoạn công nghệ chế biến, còn đối tượng tính giá thành chỉ là thành phẩm ở giai đoạn cuối cùng. Để tính được giá thành thì trình tự các bước như sau:

+ Căn cứ vào số liệu chi phí sản xuất đã tập hợp theo từng giai đoạn chế biến để tính ra chi phí sản xuất của giai đoạn đó trong thành phẩm.

+ Chi phí sản xuất của từng giai đoạn trong thành phẩm đã tính được sẽ kết chuyển song song từng khoản mục để tổng hợp tính ra tổng giá thành và giá thành đơn vị sản phẩm.

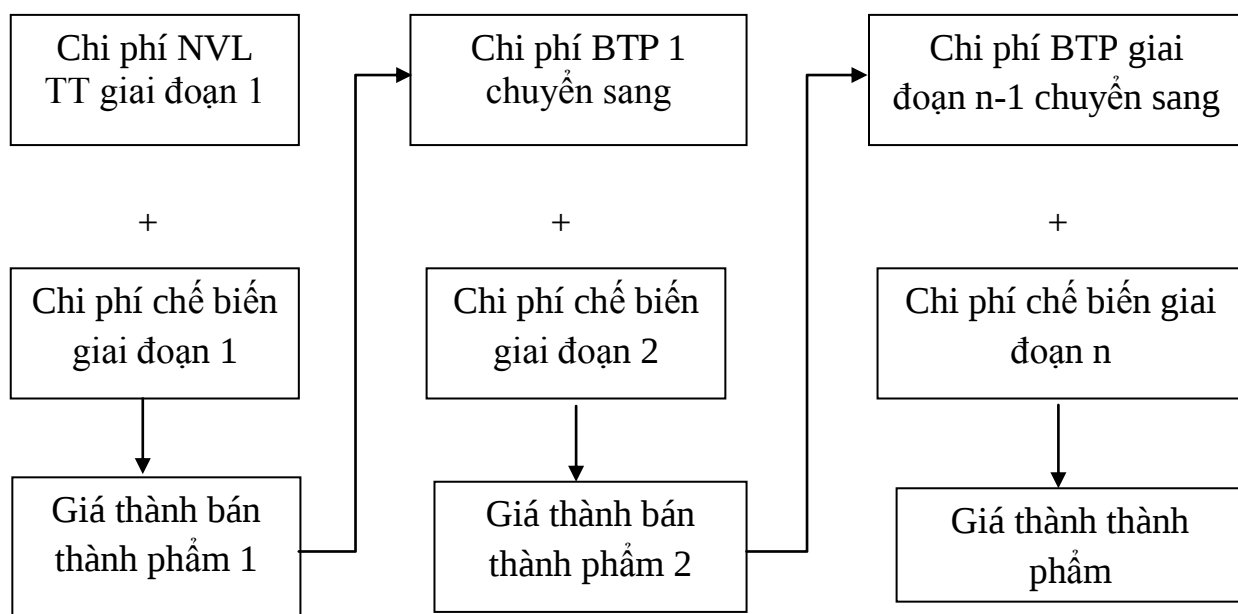
Mô hình kết chuyển song song:

ii. Tính giá thành phân bước có tính giá bán thành phẩm

Phương pháp này áp dụng trong trường hợp các giai đoạn công nghệ tạo ra bán thành phẩm và bán thành phẩm của giai đoạn này được chuyển tiếp cho giai đoạn sau để tiếp tục chế biến.

Đối tượng tính giá thành là bán thành phẩm. Để tính giá thành, kế toán căn cứ vào chi phí sản xuất đã tập hợp từng giai đoạn để tính giá thành đơn vị và giá thành của bán thành phẩm lần lượt từ giai đoạn trước kết chuyển sang giai đoạn sau cho đến khi tính được tổng giá thành và giá thành đơn vị của thành phẩm ở giai đoạn cuối.

Mô hình kết chuyển tuần tự tổng hợp



1.4. Tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất

1.4.1. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

1.4.1.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (CP NVLTT) bao gồm tất cả các chi phí về nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu được sử dụng trực tiếp cho quá trình chế tạo sản phẩm. Các loại nguyên vật liệu này có thể xuất từ kho ra để sử dụng và cũng có thể mua về đưa vào sử dụng ngay hoặc do tự sản xuất.

Đối với những chi phí nguyên vật liệu trực tiếp sử dụng để sản xuất sản phẩm liên quan trực tiếp đến đối tượng tập hợp chi phí sản xuất, kế toán căn cứ vào chứng từ xuất kho vật liệu và báo cáo sử dụng vật liệu ở nơi sản xuất để tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng liên quan. Trường hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp có liên quan đến nhiều đối tượng chịu chi phí thì được tập hợp theo phương pháp gián tiếp cho từng đối tượng.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thực tế trong kỳ được xác định theo công thức:

<i>Chi phí</i>	<i>Trị giá</i>	<i>Trị giá</i>	<i>Trị giá</i>	<i>Trị giá</i>
<i>NVLTT thực tế trong kì</i>	<i>= NVL còn lại đầu kì</i>	<i>+ NVLTT xuất dùng trong kì</i>	<i>– NVLTT còn lại cuối kì</i>	<i>– phế liệu thu hồi</i>

Để hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, kế toán sử dụng tài khoản 621

– Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Kết cấu chủ yếu của tài khoản này như sau:

Bên Nợ: - Trị giá nguyên vật liệu xuất dùng trực tiếp cho sản xuất.

Bên Có: - Trị giá nguyên vật liệu sử dụng không hết nhập kho.

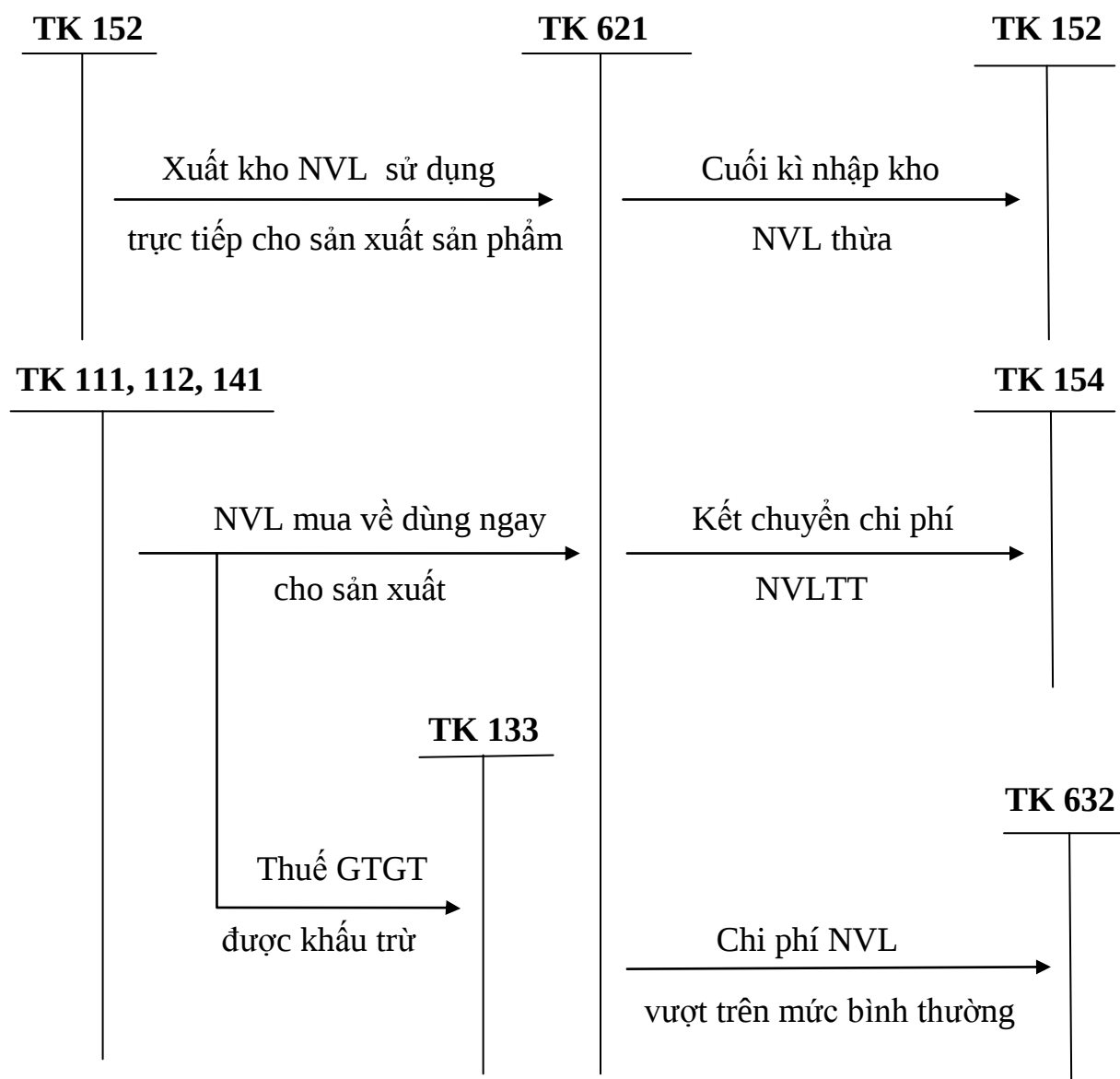
- Trị giá phế liệu thu hồi (nếu có).

- Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thực tế sử dụng trong kì

- Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp vượt trên mức bình thường.

TK 621 không có số dư cuối kì.

* Phương pháp hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Sơ đồ 1.1



Sơ đồ 1.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

1.4.1.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp (CP NCTT) là những khoản tiền phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm hoặc trực tiếp thực hiện các loại lao vụ, dịch vụ gồm: tiền lương chính, tiền lương phụ, các khoản phụ cấp, tiền ăn giữa ca, các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ tính vào chi phí theo số tiền lương của công nhân sản xuất.

Đối với chi phí NCTT có liên quan trực tiếp đến từng đối tượng chịu chi phí thì căn cứ vào chứng từ gốc, kế toán tập hợp trực tiếp chi phí NCTT cho từng đối

tượng có liên quan. Trường hợp chi phí NCTT có liên quan đến nhiều đối tượng tập hợp chi phí thì áp dụng phương pháp tập hợp và phân bổ gián tiếp.

Đề hạch toán chi phí NCTT, kế toán sử dụng TK 622 - Chi phí nhân công trực tiếp. Kết cấu của tài khoản này như sau:

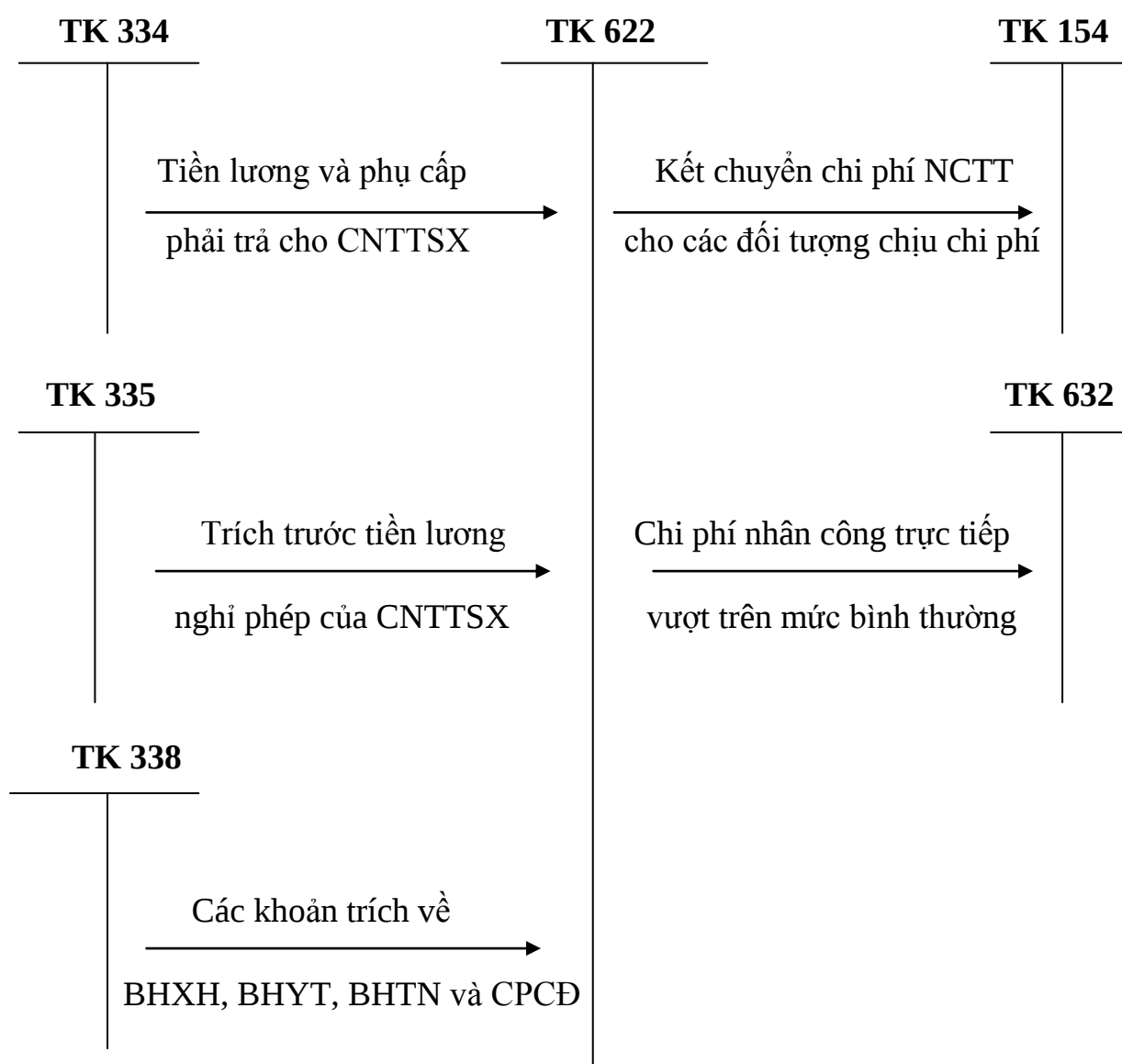
Bên Nợ: - Chi phí nhân công trực tiếp phát sinh trong kỳ

Bên Có: - Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp để tính giá thành sản phẩm

- Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vượt trên mức bình thường.

TK 622 không có số dư cuối kỳ.

* Phương pháp hạch toán chi phí nhân công trực tiếp: Sơ đồ 1.2



Sơ đồ 1.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

1.4.1.3. Kế toán chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung (CP SXC) là những khoản chi phí cần thiết khác phục vụ sản xuất, phát sinh ở các phân xưởng, tổ, đội sản xuất như: Chi phí nhân viên phân xưởng, chi phí vật liệu, chi phí công cụ dụng cụ dùng ở phân xưởng, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

Do chi phí sản xuất chung có liên quan đến nhiều loại sản phẩm, dịch vụ trong phân xưởng nên cần phải phân bổ khoản chi phí này cho từng đối tượng chịu chi phí theo tiêu thức phù hợp như: Phân bổ theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, phân bổ theo sản lượng sản phẩm...

Đề tập hợp và phân bổ chi phí SXC, kế toán sử dụng TK 627 - Chi phí sản xuất chung. Kết cấu của tài khoản này như sau:

Bên Nợ: - Chi phí sản xuất chung phát sinh trong kì

Bên Có: - Các khoản ghi giảm chi phí SXC

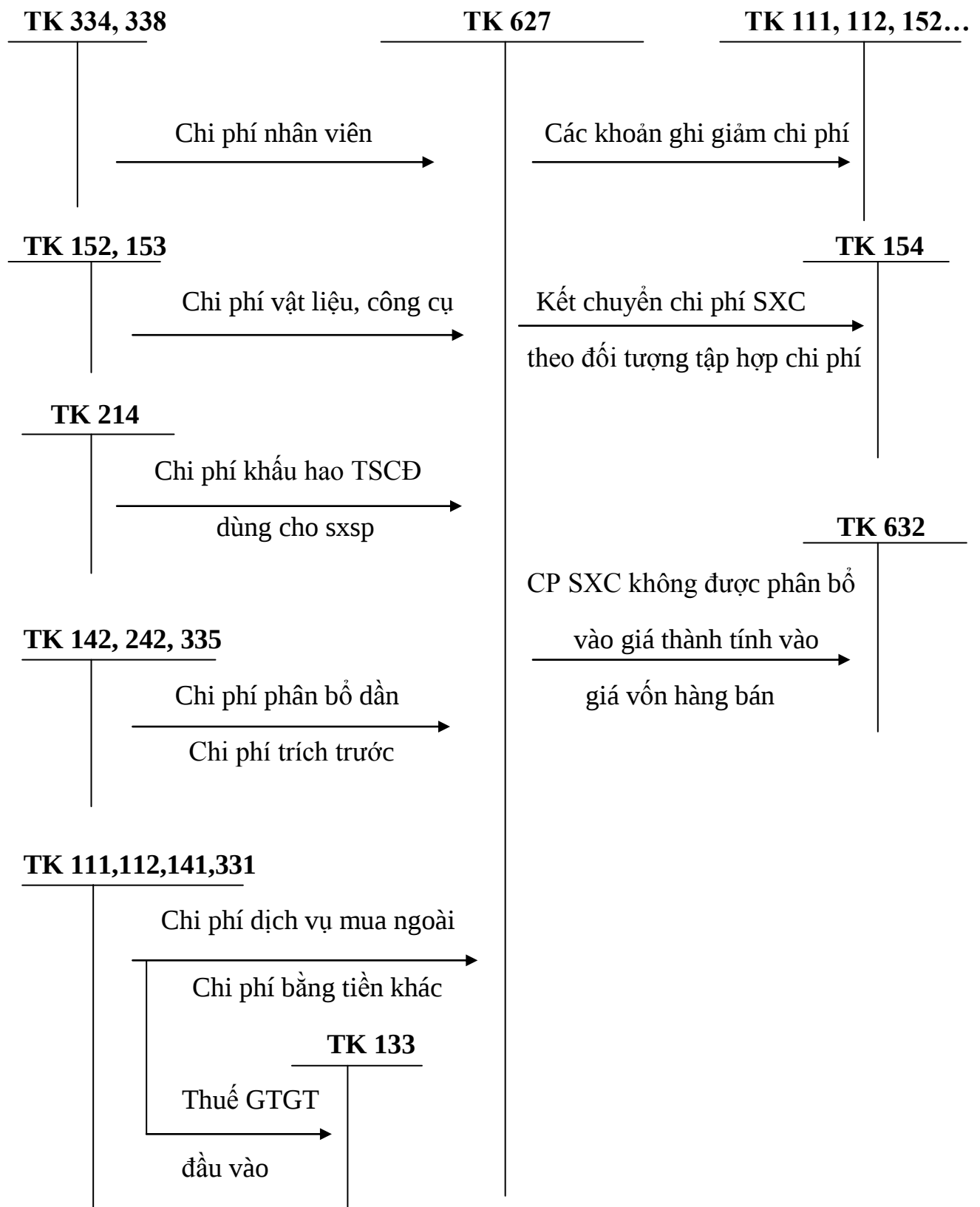
- Chi phí SXC được phân bổ, kết chuyển vào chi phí sản xuất để tính giá thành
- Chi phí SXC không được phân bổ, kết chuyển vào giá vốn hàng bán

TK 627 không có số dư cuối kì.

Tài khoản 627 có 6 tài khoản cấp hai:

- + TK 6271 – Chi phí nhân viên phân xưởng.
- + TK 6272 – Chi phí vật liệu
- + TK 6273 – Chi phí dụng cụ sản xuất
- + TK 6274 – Chi phí khấu hao TSCĐ
- + TK 6277 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6278 – Chi phí bằng tiền khác

* Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất chung: Sơ đồ 1.3



Sơ đồ 1.3. Kế toán chi phí sản xuất chung

1.4.1.4. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm

Cuối kì, sau khi đã tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung theo từng đối tượng trên các tài khoản 621, 622, 627, kế toán sẽ tiến hành kết chuyển hoặc phân bổ các chi phí này để tập hợp toàn bộ chi phí sản xuất cho từng đối tượng chịu chi phí, tiến hành kiểm kê và đánh giá sản phẩm dở dang cuối kì, thực hiện tính giá thành các loại sản phẩm, dịch vụ do doanh nghiệp hoàn thành trong kì.

Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, để tập hợp chi phí sản xuất cho toàn doanh nghiệp kế toán sử dụng tài khoản 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. TK này được mở chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất. Kết cấu của tài khoản này như sau:

Bên Nợ: - Kết chuyển toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh trong kì

- Giá trị vật liệu thuê ngoài chế biến
- Chi phí thuê ngoài chế biến.

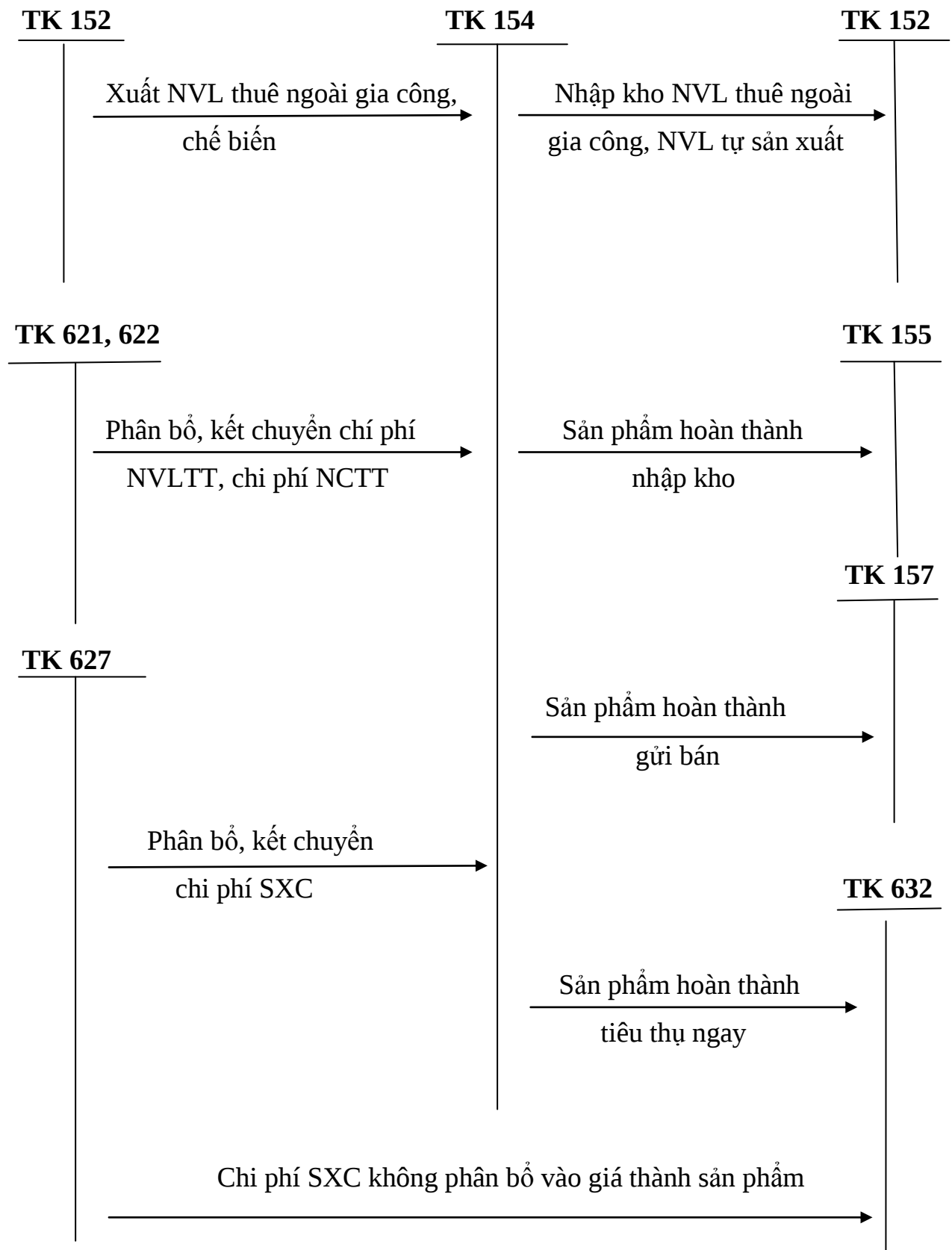
Bên Có: - Giá trị vật liệu thu hồi (nếu có)

- Các khoản làm giảm chi phí sản xuất trong kì.
- Giá thành sản phẩm hoàn thành trong kì.
- Giá thành vật liệu thuê ngoài chế biến, tự chế hoàn thành.

Dư Nợ: - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

- Chi phí thuê ngoài chế biến hoặc tự chế vật tư chưa hoàn thành

* Phương pháp hạch toán toán tổng hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm: Sơ đồ 1.4



Sơ đồ 1.4. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

1.4.2. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

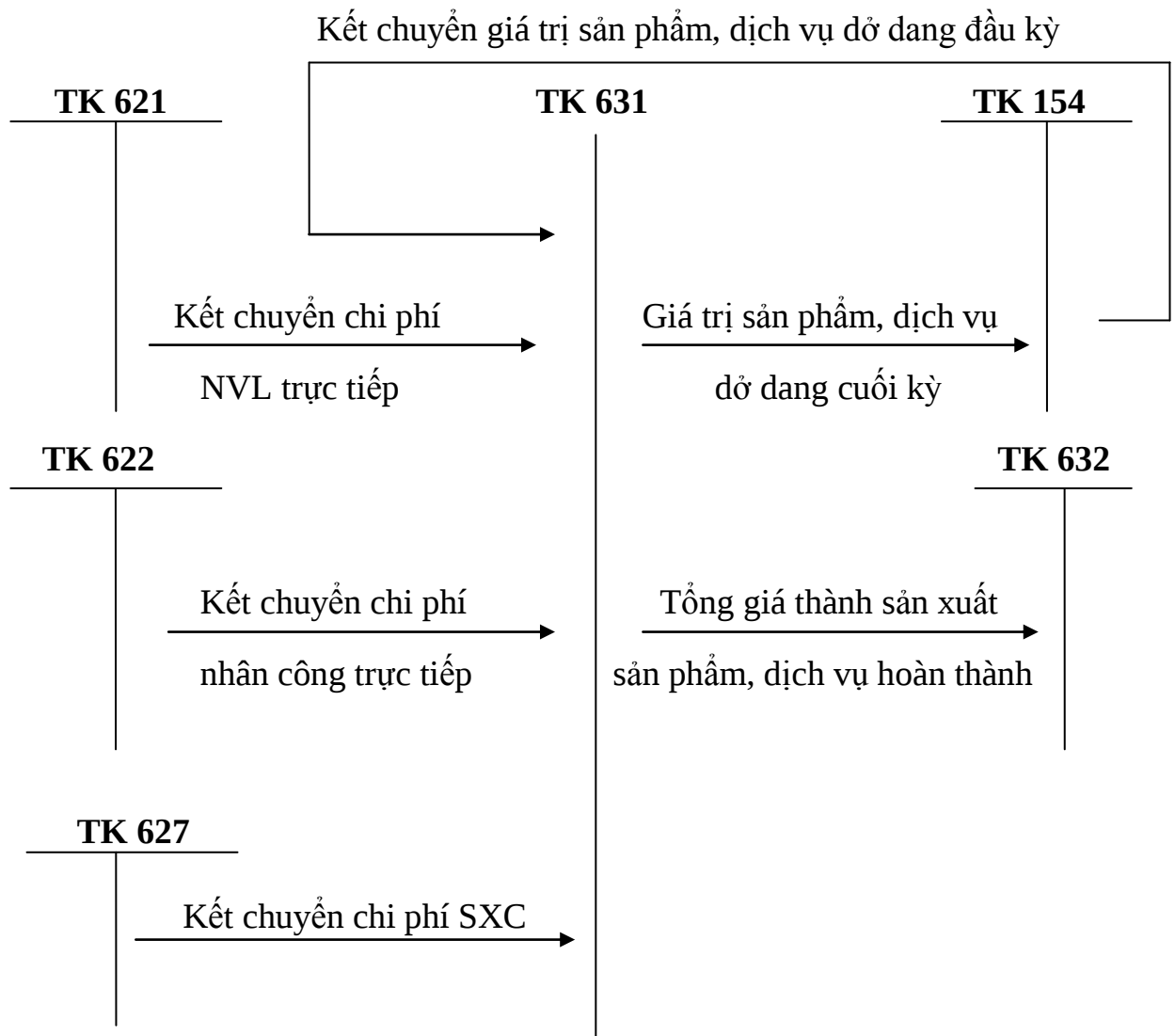
Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp kế toán không theo dõi phản ánh thường xuyên liên tục tình hình nhập xuất vật liệu, công cụ dụng cụ, thành phẩm hàng hóa trên các tài khoản tồn kho tương ứng. Giá trị vật tư hàng hóa mua vào và nhập kho trong kỳ được theo dõi phản ánh ở một tài khoản riêng là TK 611-Mua hàng, còn các tài khoản tồn kho chỉ phản ánh giá trị hàng tồn kho vào lúc đầu kỳ.

Chi phí sản xuất trong kỳ được tập hợp trên các tài khoản:

- TK 621: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- TK 622: Chi phí nhân công trực tiếp
- TK 627: Chi phí sản xuất chung

Tuy nhiên do đặc điểm của phương pháp này mà TK154 chỉ sử dụng để phản ánh chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ và cuối kỳ. Việc tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm được thực hiện trên TK631 - Giá thành sản xuất

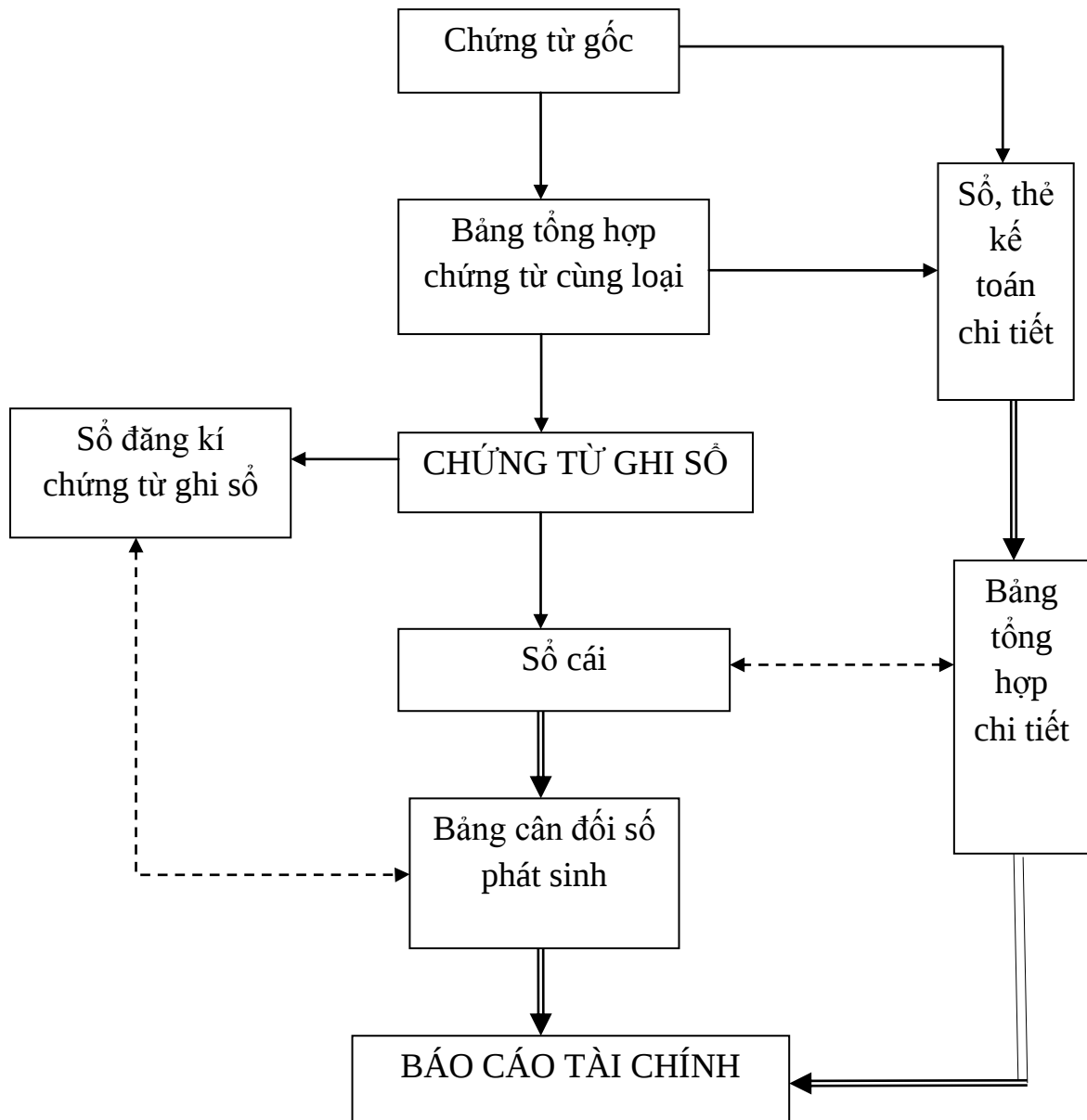
* Phương pháp hạch toán tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ: Sơ đồ 1.5



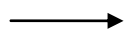
Sơ đồ 1.5. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.5. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

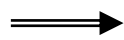
Theo chế độ kế toán hiện hành có các hình thức kế toán áp dụng tại doanh nghiệp: Nhật ký chung, Nhật ký – Sổ cái, Chứng từ ghi sổ, Nhật ký – Chứng từ, Kế toán trên máy vi tính. Tùy thuộc vào hình thức kế toán doanh nghiệp sử dụng mà có trình tự ghi sổ kế toán khác nhau. Sau đây em xin nêu trình tự ghi sổ kế toán tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành theo hình thức Chứng từ ghi sổ và Kế toán trên máy vi tính.



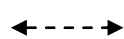
Ghi chú:



Ghi hàng ngày

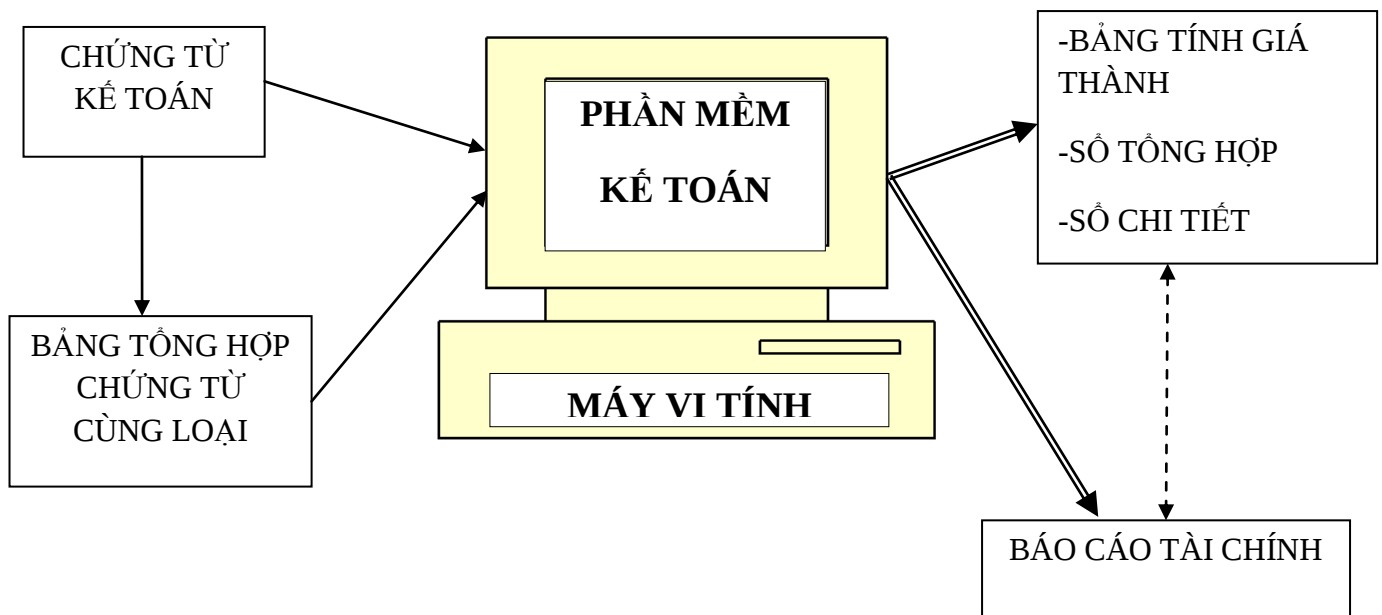


Ghi cuối kì



Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.6. Trình tự ghi sổ kế toán tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



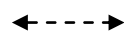
Ghi chú:



Ghi hàng ngày



Ghi cuối kì



Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.7. Trình tự ghi sổ kế toán tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành theo hình thức kế toán trên máy vi tính

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG TÂN

2.1. Giới thiệu chung về công ty cổ phần Hoàng Tân

Tên công ty: Công ty cổ phần Hoàng Tân

Tên viết tắt: HOANGTAN.,JSC

Địa chỉ: số 49, Nguyễn Bình, Phường Đồng Quốc Bình, Quận Ngô Quyền,
Hải Phòng

Mã số thuế: 0200741894

Điện thoại: 0313.829189

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất sản phẩm từ plastic, Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh, Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ, Kho bãi và lưu trữ hàng hoá...

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty cổ phần Hoàng Tân

Công ty cổ phần Hoàng Tân tiền thân là Xí nghiệp sản xuất phụ tùng xe gắn máy được thành lập theo Quyết định số 635 QĐ/TCC – LĐ thành lập doanh nghiệp ngày 27/2/1995 của Bộ Giao thông vận tải.

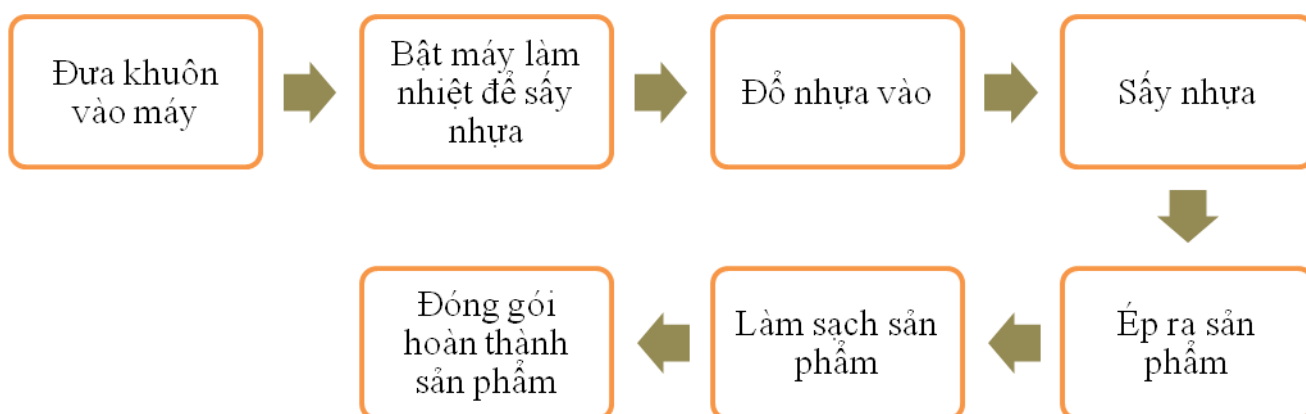
Ngày 24/5/2001 công ty chính thức được thành lập theo quyết định số 78/QĐ/TCCB-LĐ của Tổng công ty cơ khí GTVT (nay là Tổng công ty công nghiệp ô tô).

Đến đầu năm 2007 do Nhà nước thực hiện cổ phần hoá các doanh nghiệp nên Xí nghiệp sản xuất phụ tùng xe gắn máy đã chuyển đổi thành Công ty cổ phần Hoàng Tân với điều kiện cơ sở vật chất : Tổng diện tích đất sử dụng 7000 m², Diện tích văn phòng 600 m², Diện tích nhà xưởng và kho hàng trên 6400 m². Kho, nhà xưởng sản xuất hiện đại với đầy đủ các công trình phụ trợ như: khu xử lý nước, đường đi nội bộ, hệ thống cấp điện...

Cho đến nay công ty đã hoạt động được hơn 9 năm. Quãng thời gian này tuy không phải là dài nhưng cũng đủ để công ty khẳng định chỗ đứng của mình trên thị trường trong nước và ngày càng mở rộng phát triển hơn.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần Hoàng Tân

Hiện nay công ty chuyên sản xuất phụ tùng xe gắn máy để xuất bán trực tiếp ra thị trường làm phụ tùng thay thế hoặc xuất cho những đơn vị lắp ráp xe gắn máy để sản xuất thành những chiếc xe hoàn chỉnh. Sản phẩm của công ty chủ yếu là phụ tùng bằng nhựa nên dây chuyền sản xuất có thể tóm tắt như sau:



Sơ đồ 2.1. Quy trình sản xuất của Công ty cổ phần Hoàng Tân

Để thực hiện được quy trình sản xuất như trên xí nghiệp đã có 1 dây chuyền công nghệ gồm có: 10 chiếc máy ép, 10 chiếc máy làm lạnh, 30 chiếc khuôn, và 2 máy nghiền và nhiều máy móc chuyên dùng khác. Đội ngũ công nhân với trên 40 người có trình độ tay nghề bậc cao, năng động, nhiệt tình đã giúp các sản phẩm làm ra có chất lượng tốt, đáp ứng yêu cầu của khách hàng và được thị trường ưa chuộng.

2.1.3. Những thuận lợi, khó khăn và thành tựu công ty đạt được

Hiện nay nền kinh tế nước ta đang phát triển, đời sống người dân ngày càng được cải thiện và nâng cao, phương tiện đi lại chủ yếu là xe máy. Chính vì vậy nhu cầu về phụ tùng xe gắn máy là rất lớn. Điều này đã tạo điều kiện thuận lợi cho công ty ngày càng phát triển và mở rộng sản xuất.

Tuy nhiên bên cạnh đó công ty cũng gặp phải không ít khó khăn như: Mặt hàng xe máy Trung Quốc được đưa vào Việt Nam khá nhiều. Đồng thời những

công ty sản xuất xe gắn máy trong nước cũng mọc lên ngày càng nhiều với những sản phẩm có chất lượng tốt. Điều này đòi hỏi công ty luôn phải cạnh tranh quyết liệt để có chỗ đứng trên thị trường.

Để đảm bảo theo kịp sự phát triển của những doanh nghiệp cùng ngành và mở rộng thị trường, trong những năm tới đây công ty đã lên kế hoạch mở rộng sản xuất bằng những biện pháp như mở rộng nhà xưởng, mua sắm máy móc thiết bị mới, tuyển thêm nhiều công nhân có tay nghề cao, sản xuất thêm nhiều sản phẩm phong phú hơn.

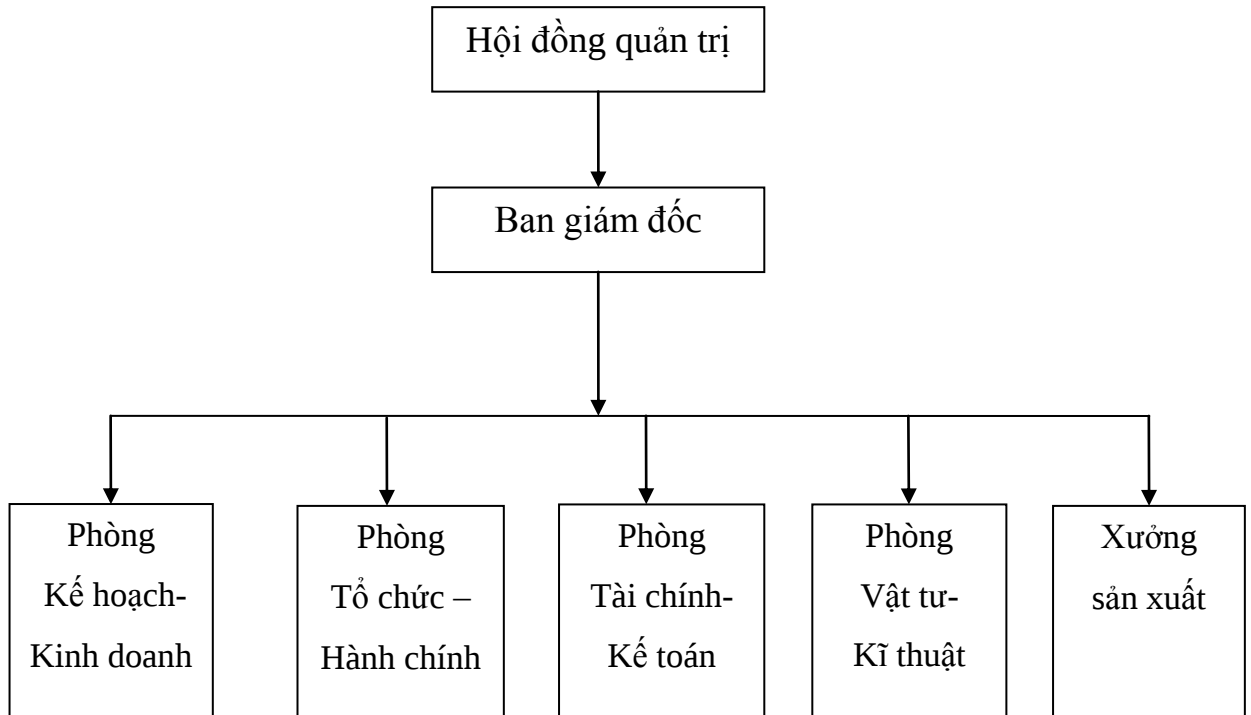
**Tình hình sản xuất kinh doanh và thu nhập bình quân những năm gần đây
của Công ty (ĐVT: triệu đồng)**

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
Tổng doanh thu	25.655	30.845	35.297
Chi phí	25.405	30.490	34.870
Lợi nhuận kinh doanh	250	355	427
Thu nhập bình quân (ng/tháng)	2	2,5	2,85

Nhìn vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty ta thấy các chỉ tiêu nhìn chung đều tăng so với năm liền kề trước đó. Doanh thu năm 2009 tăng 4.452tr đồng (tương ứng với 14,43%), tốc độ tăng ít hơn năm 2008 là 5,8%. Do chi phí năm 2009 tăng ít hơn so với doanh thu nên đã làm lợi nhuận năm 2009 tăng 72tr đồng (tương ứng với 20,28%). Thu nhập bình quân của người lao động trong công ty cũng đang có xu hướng tăng. Như vậy tình hình kinh doanh của công ty đang có xu hướng phát triển tốt, tạo ra nhiều lợi nhuận và góp phần cải thiện đời sống cho người lao động.

2.1.4. Cơ cấu tổ chức và bộ máy của công ty**2.1.4.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty**

Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng, kiểu tổ chức này rất phù hợp với công ty trong tình hình hiện nay.

**Sơ đồ 2.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý**

– *Hội đồng quản trị*: là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty. HĐQT nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty.

– *Ban giám đốc*: gồm có tổng giám đốc và các phó tổng giám đốc. Tổng giám đốc là người trực tiếp quản lý, đại diện pháp nhân của công ty trước pháp luật và là người giữ vai trò chỉ đạo chung. Phó tổng giám đốc điều hành công ty theo phân công và uỷ quyền của Tổng giám đốc.

Các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ có chức năng tham mưu giúp việc cho Tổng giám đốc quản lý và điều hành công việc.

– *Phòng Kế hoạch- Kinh doanh*: Làm tham mưu cho giám đốc thiết lập các kế hoạch về toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng phương án kinh doanh, soạn thảo hợp đồng kinh tế.

– *Phòng Tổ chức- Hành chính*: Quản lý tuyển chọn cán bộ công nhân viên có năng lực, tay nghề. Bảo quản lưu trữ con dấu, giấy tờ và công văn của công ty. Cung cấp các thiết bị văn phòng, chịu trách nhiệm về đối nội, đối ngoại

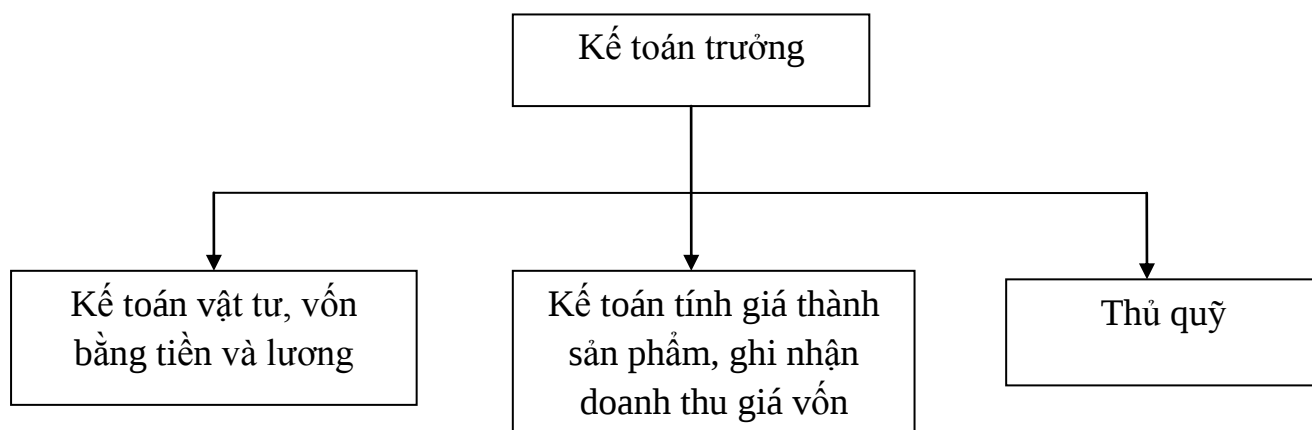
– *Phòng Tài chính- Kế toán*: Hạch toán kinh doanh và quản lý tài chính. Cung cấp thông tin để lãnh đạo công ty biết được tình hình sử dụng các loại tài sản, lao động, vật tư, tiền vốn, doanh thu, chi phí, kết quả sản xuất kinh doanh của công ty; phục vụ cho việc điều hành, quản lý hoạt động của công ty một cách kịp thời hiệu quả.

– *Phòng vật tư – Kỹ thuật*: Phụ trách trực tiếp việc cung ứng, kiểm tra chất lượng NVL, sản phẩm, hàng hoá; lập kế hoạch định mức NVL cho sản xuất

– *Xưởng sản xuất*: phụ trách trực tiếp việc sản xuất ra sản phẩm.

2.1.4.2. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty

Xuất phát từ đặc điểm tổ chức quản lý, bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức kế toán tập trung. Bộ máy kế toán của công ty có nhiệm vụ cập nhật theo dõi, kiểm tra hạch toán toàn bộ những nghiệp vụ phát sinh trong công ty bằng các nghiệp vụ kế toán tài chính, giúp cho lãnh đạo công ty có cơ sở để phân tích, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh. Từ đó có quyết định đúng đắn trong hoạt động của công ty nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao nhất.



Sơ đồ 2.3. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán

– *Kế toán trưởng*: là người đứng đầu phòng kế toán, có nhiệm vụ chỉ đạo công tác thực hiện kế toán ở công ty, báo cáo số liệu cụ thể kết quả hoạt động kinh doanh của công ty. Kế toán trưởng phụ trách theo dõi và hạch toán các loại TSCĐ,

nguồn vốn trong công ty. Cuối kì, xác định kết quả kinh doanh và lập Báo cáo tài chính. Đồng thời kế toán trưởng cũng tham mưu cho tổng giám đốc về tình hình tài chính của công ty.

– *Kế toán vật tư, vốn bằng tiền và lương*: Phụ trách mảng NVL, CCDC trong Công ty, trực tiếp quản lý theo dõi tình hình Nhập-Xuất-Tồn NVL, công cụ dụng cụ. Theo dõi và thanh toán các khoản tạm ứng, các khoản thu chi bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, theo dõi và chi trả lương cho người lao động trong công ty.

– *Kế toán tính giá thành sản phẩm, ghi nhận doanh thu, giá vốn*: Theo dõi tình hình nhập, xuất thành phẩm hàng hoá trong kì. Cuối kì tập hợp chi phí, tính giá thành sản phẩm. Khi xuất bán thành phẩm, hàng hoá kế toán theo dõi và ghi nhận doanh thu giá vốn trong kì.

– *Thu quỹ*: Phụ trách việc quản lý tài chính, theo dõi thu chi tiền mặt và bảo quản tiền mặt trong công ty.

2.1.4.3. Tổ chức vận dụng chế độ kế toán tại công ty cổ phần Hoàng Tân

Công ty áp dụng đầy đủ chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006

– *Niên độ kế toán*: Bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12 năm dương lịch

– *Hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán*: Công ty vận dụng theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính

– *Phương pháp tính trị giá thành phẩm, hàng hoá xuất kho*: Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ.

– *Phương pháp tính trị giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất dùng trong kì*: Phương pháp thực tế đích danh.

– *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho*: Kê khai thường xuyên.

– *Hình thức kế toán*: Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ trên phần mềm kế toán Fast Accounting do Công ty cổ phần phần mềm quản lý doanh nghiệp FAST cung cấp.

+ Phần mềm Fast Accounting chia làm nhiều phân hệ, các kế toán viên sẽ được quản lý một số phân hệ theo sự phân quyền của kế toán trưởng.

+ Hình thức này đã giúp công ty nâng cao hiệu quả làm việc của kế toán viên, rút ngắn thời gian hoàn thành quyết toán và cung cấp số liệu một cách kịp thời cho công tác quản lý.

– *Sổ sách kế toán* : Công ty sử dụng các loại sổ sách kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ bao gồm:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ Cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết
- Bảng tổng hợp chi tiết

– *Trình tự ghi sổ kế toán*

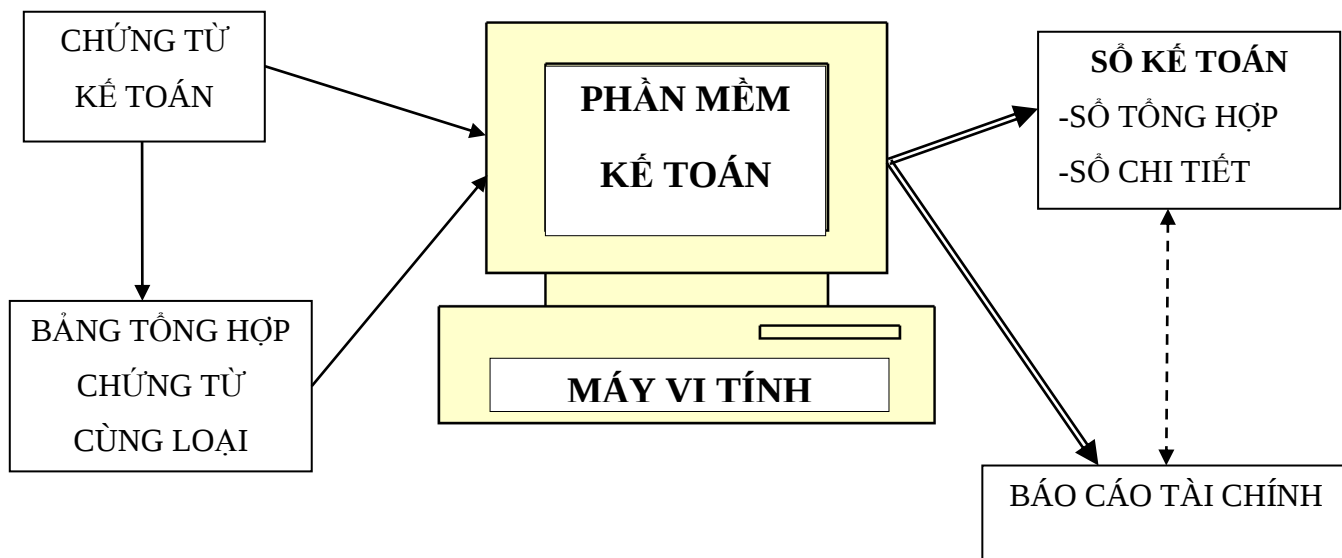
+ Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

+ Theo quy trình của phần mềm kế toán, máy tính sẽ tự động ghi Bảng kê các chứng từ cùng loại rồi lập Chứng từ ghi sổ và vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, Sổ cái các tài khoản. Đồng thời máy tính cũng nhập dữ liệu vào các Sổ chi tiết và Bảng tổng hợp chi tiết có liên quan.

+ Cuối tháng, kế toán thực hiện thao tác khoá sổ và in ra các sổ sách cần thiết.

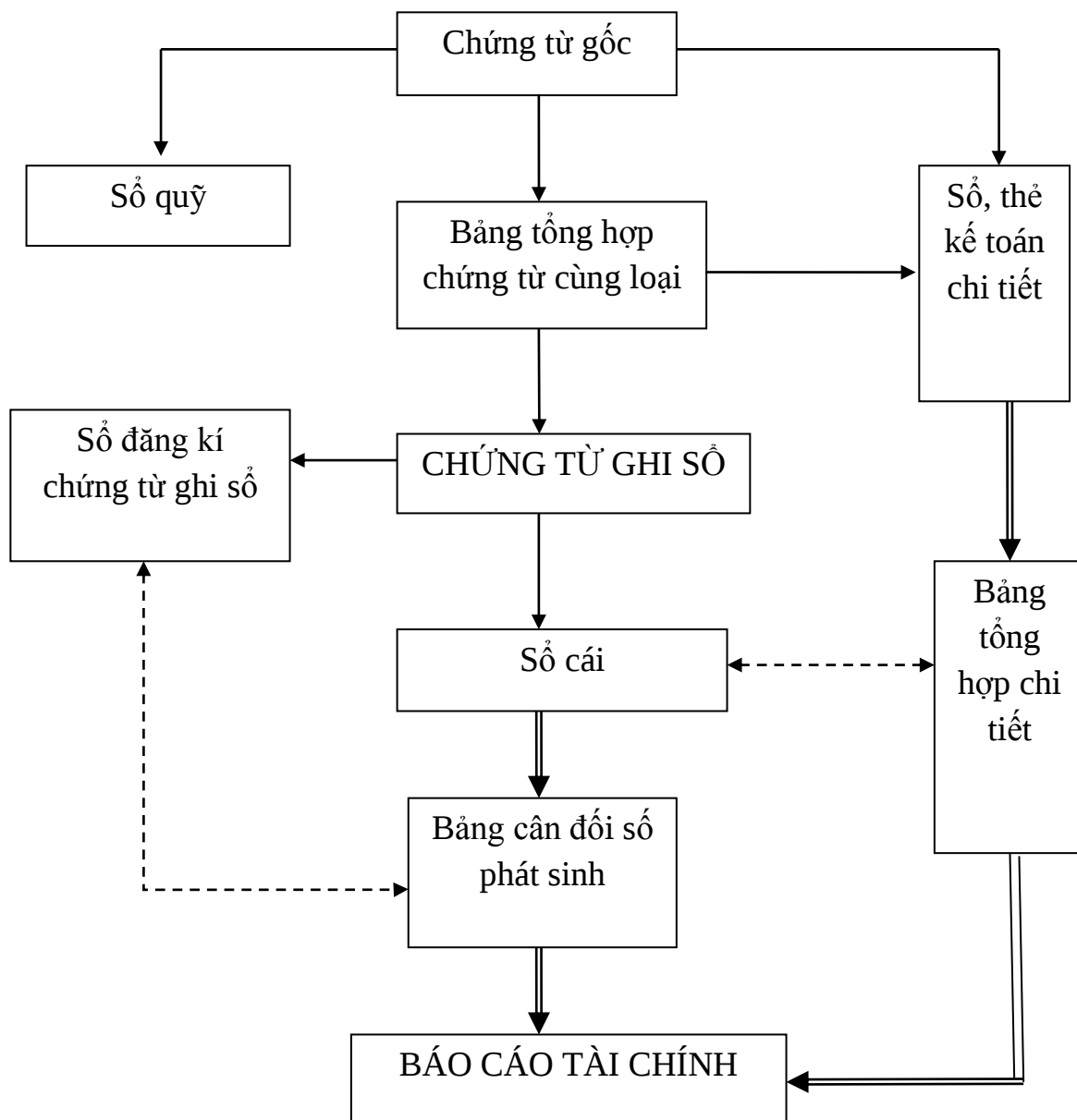
+ Cuối quý kế toán tổng hợp số liệu và lập báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính.

Sơ đồ 2.4. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối kì
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.5. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



- Ghi hàng ngày
- ====→ Ghi cuối kì
- ←- - - -> Đối chiếu, kiểm tra

2.2.Thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần Hoàng Tân

2.2.1.Kế toán chi phí sản xuất

2.2.1.1.Phân loại chi phí sản xuất tại công ty

Tại Công ty cổ phần Hoàng Tân chi phí sản xuất phát sinh phục vụ cho sản xuất bao gồm nhiều loại khác nhau như: Chi phí NVL trực tiếp, Chi phí nhân công trực tiếp, Chi phí khấu hao TSCĐ... Các chi phí phát sinh chủ yếu ở phân xưởng sản xuất của công ty.

Xuất phát từ yêu cầu công tác quản lý và kế toán, toàn bộ chi phí sản xuất tại công ty được chia thành 4 khoản mục chi phí:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp : Gồm toàn bộ các chi phí về NVL chính, NVL phụ
- Chi phí nhân công trực tiếp : Gồm các chi phí về tiền lương, phụ cấp, các khoản trích theo lương của công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm
- Chi phí sản xuất chung : Gồm tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên phân xưởng, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí dịch vụ mua ngoài...
- Chi phí khấu hao tài sản cố định : Gồm chi phí khấu hao toàn bộ tài sản cố định dùng vào hoạt động sản xuất của công ty.

2.2.1.2.Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất

Để hạch toán chi phí sản xuất được chính xác, kịp thời đòi hỏi công việc đầu tiên mà kế toán phải làm là xác định được đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất để phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm.

Công ty cổ phần Hoàng Tân chỉ có một phân xưởng sản xuất là nơi sản xuất và gia công các loại sản phẩm. Đặc điểm sản xuất của công ty là quy trình công nghệ đơn giản, khép kín, kết thúc một ca máy thì sản phẩm sản xuất được hoàn thành và không có sản phẩm dở dang. Do đó, đối tượng kế toán chi phí sản xuất là từng loại sản phẩm mà công ty sản xuất ra. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, Chi phí khấu hao TSCĐ được tập hợp trực tiếp cho từng loại sản phẩm, còn Chi phí nhân công trực tiếp và Chi phí sản xuất chung được tập hợp chung cho toàn Công

ty rồi phân bổ sau theo tiêu thức phân bổ nhất định.

2.2.1.3. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại công ty

Nguyên vật liệu là một yếu tố chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu giá thành sản phẩm. Tại công ty cổ phần Hoàng Tân, nguyên vật liệu chính chủ yếu là nhựa và hạt nhựa như: Hạt nhựa PP, hạt nhựa ABS, nhựa AS nguyên sinh, nhựa AS thu hồi, nhựa SAN 350... Nguyên vật liệu phụ là bột màu để tạo màu cho sản phẩm. Nhiên liệu có xăng và dầu diesel để chạy máy móc. Công ty hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Nguyên vật liệu tại công ty đều được mua ngoài và nhập kho để theo dõi về mặt số lượng và giá trị. Trị giá nguyên vật liệu nhập kho được xác định trên cơ sở giá gốc:

$$\text{Trị giá nhập thực tế} = \frac{\text{Giá mua ghi trên hóa đơn}}{\text{trên hóa đơn}} + \frac{\text{CP thu mua NVL}}{\text{NVL}} + \frac{\text{Thuế NK(nếu có)}}{\text{NK(nếu có)}} - \frac{\text{CKTM và giảm giá hàng bán}}{\text{giá hàng bán}}$$

Khi tính giá vật liệu xuất kho sản xuất sản phẩm công ty áp dụng phương pháp thực tế đích danh:

$$\text{Trị giá NVL xuất kho} = \text{Đơn giá xuất} \times \text{Số lượng NVL xuất kho}$$

Trong đó:

$$\text{Đơn giá xuất} = \text{Đơn giá mua}$$

***Chứng từ kế toán sử dụng**

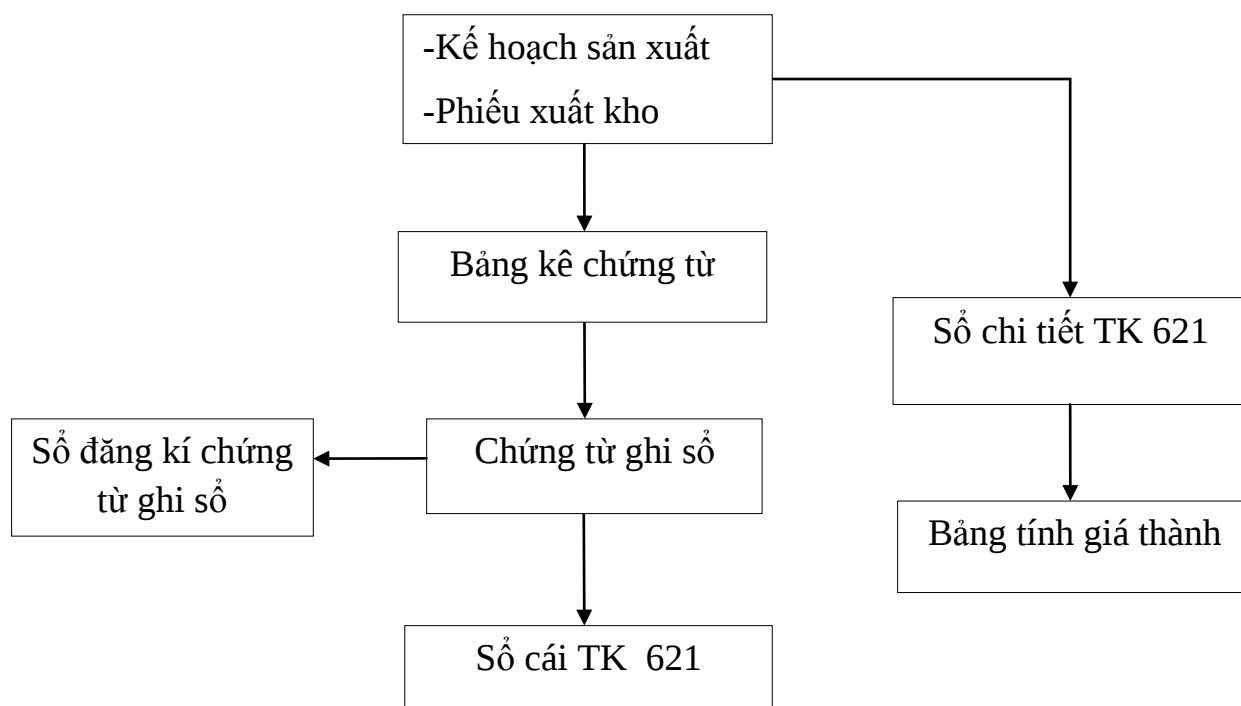
- Kế hoạch sản xuất
- Phiếu xuất kho

***Tài khoản sử dụng**

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được hạch toán riêng cho từng đối tượng sử dụng vì vậy TK 621 được mở riêng cho từng loại sản phẩm như:

- TK 621 CBT C110: Chấn bùn trước
- TK 621 CHOAPHA: Choá pha
- TK 621 MN C110: Mặt nạ C110
- TK 621 ĐXT C110: Đầu xe trước C110...

***Trình tự hạch toán**



Sơ đồ 2.6. Trình tự hạch toán Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại Công ty cổ phần Hoàng Tân

Hàng ngày, căn cứ vào định mức vật tư của từng loại sản phẩm Phòng Kế hoạch- Kinh doanh sẽ lập Kế hoạch sản xuất chi tiết. Sau khi được Giám đốc ký duyệt, Kế hoạch sản xuất sẽ được giao cho xưởng sản xuất 1 bản để tiến hành sản xuất và phòng kế toán 1 bản để theo dõi hạch toán. Khi nhận được Kế hoạch sản xuất, Quản đốc phân xưởng sẽ viết Giấy đề nghị kiêm phiếu xuất kho và chuyển cho phòng kế toán 1 liên để xuất kho NVL sản xuất sản phẩm. Nguyên vật liệu xuất kho để sản xuất sản phẩm nào thì được hạch toán trực tiếp cho sản phẩm đó. Vật liệu thừa sẽ được nhập lại kho. Căn cứ vào các chứng từ kế toán sẽ nhập dữ liệu vào máy tính hàng ngày. Đến cuối tháng in ra các sổ sách cần thiết.

Ví dụ: Ngày 3/12/2009, căn cứ vào kế hoạch bán hàng của công ty, Phòng Kế hoạch - Kinh doanh tiến hành lập bảng Kế hoạch sản xuất chi tiết đầu xe trước hàng công ty (Biểu 2.1).

– Căn cứ vào Kế hoạch sản xuất chi tiết Quản đốc phân xưởng sẽ lập Giấy đề nghị kiêm phiếu xuất kho hạt nhựa ABS (Biểu số 2.2) để xuất kho 2.000 kg hạt nhựa sản xuất đầu xe trước.

– Căn cứ vào Giấy đề nghị kiêm phiếu xuất kho kế toán sẽ nhập dữ liệu vào máy tính. Đơn giá xuất kho sẽ được máy tính tự động tính ra theo phương pháp thực tế đích danh căn cứ vào Phiếu nhập kho số T12NK01 (Biểu số 2.3) với đơn giá 25.550,3đ/kg. Nghiệp vụ được định khoản:

Nợ TK 621ĐXT : 51.100.600

Có TK 152 : 51.100.600

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG TÂN	KẾ HOẠCH SẢN XUẤT CHI TIẾT HÀNG CÔNG TY
PHÒNG KẾ HOẠCH KINH DOANH	

SỐ KẾ HOẠCH	Cty 012/001	Người lập	Trưởng phòng KH - KD	Tổng giám đốc
TÊN KẾ HOẠCH	Sx bộ nhựa			
ĐƠN VỊ THỰC HIỆN	Xưởng nhựa			
NGÀY PHÁT HÀNH	03/12/2009			
THỜI HẠN HOÀN THÀNH	10/12/2009			

Máy sx	Loại nhựa	Tên sản phẩm	Quy cách	ĐVT	Số lượng sx	ĐM vật tư	Nhựa + hạt màu (Hao hụt 1%)	Ghi chú
5	ABS - GP22	Đầu xe trước	Nguyên màu	Chiếc	9167	0,216	2.000	
			Tổng nhựa ABS – GP22				2.000	
Căn cứ lập kế hoạch: căn cứ vào KH bán hàng của Công ty								

Biểu số 2.1.Kế hoạch sản xuất chi tiết hàng công ty

GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM PHIẾU XUẤT KHO NVL

Số: 06/12

Đề nghị cấp vật tư theo kế hoạch: *Sản xuất hàng công ty đầu xe trước*Đơn vị nhận vật tư: *Xưởng sản xuất*

Vật tư cấp phát như sau:

STT	Loại vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Hạt nhựa ABS – GP22	Kg	2.000	25.550,3	51.100.600	
2						
3						
4						
5						
6						
	Cộng				51.100.600	

Hải Phòng, ngày 3 tháng 12 năm 2009

Thủ trưởng**Kế toán****PT cung tiêu****Thủ kho****Người nhận****Biểu số 2.2. Phiếu xuất kho NVL**

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG TÂN

Nợ: 152

Có: 331

PHIẾU NHẬP KHO*Ngày 01 tháng 12 năm 2009*

Số: T12NK01

Họ, tên người giao hàng: Lê Đình Việt - Công ty cổ phần Hoàng Tân

Theo: HĐ GTGT số 0039063 ngày 15 tháng 12 năm 2009 của Cty TM
và ĐT GTVTNhập tại kho: Nguyên vật liệu địa điểm: Công ty cổ phần Hoàng
Tân

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Yêu cầu	Thực nhập		
A	B	C	1	2	3	4
1	Hạt nhựa ABS- GP22	kg	3.372,4	3.372,4	25.550,3	86.165.832
	Cộng					86.165.832

Tổng số tiền (viết bằng chữ): *Hai mươi sáu triệu, tám trăm ngàn đồng chẵn*

Số chứng từ gốc kèm theo:

*Ngày 01 tháng 12 năm 2009***Biểu số 2.3. Phiếu nhập kho**

– Căn cứ vào Phiếu xuất kho, kế toán nhập dữ liệu vào phần mềm kế toán. Sau đó theo chương trình cài đặt sẵn máy tính sẽ tự động ghi vào Chứng từ ghi sổ xuất kho NVL (Biểu số 2.4).

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG TÂN

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31/12/2009

Số CTGS: 010/12

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Xuất kho nguyên vật liệu T12				
Nguyên liệu, vật liệu		152		
Hàng gửi đi bán	157		76.364	
Chi phí NVL trực tiếp	621		884.765.876	
Chi phí chung	627		239.091	
Chi phí quản lí doanh nghiệp	642		6.851.454	
Cộng			891.932.785	

Kèm theo : chứng từ gốc

Biểu 2.4. Chứng từ ghi sổ xuất kho NVL

– Máy tính cũng tự động ghi Sổ đăng kí chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.5) và ghi Sổ chi tiết TK 621 (Biểu số 2.6). Từ chứng từ ghi sổ máy sẽ tự ghi vào Sổ cái TK 621 (Biểu số 2.7)

SỔ ĐĂNG KÍ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng 12/ 2009

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		
		...	
010/12	31/12	Xuất kho NVL	891.932.785
011/12	31/12	Xuất kho công cụ dụng cụ	36.787.875
012/12	31/12	Nhập kho thành phẩm	1.243.583.685
013/12	31/12	Xuất kho thành phẩm	95.086.872
014/12	31/12	Nhập kho hàng hoá	3.720.000.000
015/12	31/12	Xuất kho hàng hoá	2.120.675
016/12	31/12	Khấu hao TSCĐ	88.833.905
017/12	31/12	Phân bổ chi phí dài hạn	7.886.982
018/12	31/12	Phải trả người bán	379.127.000
019/12	31/12	Vay vốn thanh toán tiền hàng	2.100.000.000
020/12	31/12	Phân bổ tiền lương T12	146.146.090
021/12	31/12	Phân bổ BHXH, BHYT, BHTN	12.837.500
022/12	31/12	Trích trước tiền điện vào SXKD	122.278.661
023/12	31/12	Phân bổ chi phí NVL vào GTSP	884.765.876
024/12	31/12	Phân bổ chi phí NC, SXC vào GTSP	292.909.362
025/12	31/12	Giá vốn hàng bán	5.959.142.847
		...	
		Tổng cộng	40.835.838.812

Biểu số 2.5. Sổ đăng kí chứng từ ghi sổ

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG TÂN**SỔ CHI TIẾT VỤ VIỆC**

Vụ việc: ĐXT - Sản xuất đầu xe trước

Tài khoản: 621ĐXT

Tháng 12 năm 2009

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
B	C	D	E	1	2
		Số dư đầu tháng 12			
06/12	03/12	Xuất NVL phục vụ sản xuất	152	51.100.600	
BPBCP	31/12	Kết chuyển chi phí NVLTT	154		51.100.600
		Cộng số phát sinh		51.100.600	51.100.600
		Số dư cuối tháng 12			

Biểu số 2.6.Sổ chi tiết TK 621 cho sản phẩm đầu xe trước

SỔ CÁI

Năm: 2009

Tên tài khoản: Chi phí NVL trực tiếp

Số hiệu: 621

CTGS		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		- Số dư đầu tháng 12			
		- Số phát sinh trong tháng 12			
010	31/12	Xuất kho NVL TT	152	884.765.876	
023	31/12	Phân bổ chi phí NVL TT vào giá thành sản phẩm	154		884.765.876
		-Cộng phát sinh		884.765.876	884.765.876
		-Số dư cuối tháng 12			

Biểu số 2.7.Sổ cái TK 621**2.2.1.4.Kế toán chi phí nhân công trực tiếp tại công ty**

Tại Công ty cổ phần Hoàng Tân chi phí nhân công trực tiếp bao gồm: Lương của công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm, Các khoản phụ cấp, tiền thưởng..., Tiền ăn ca, Các khoản trích theo lương tính vào chi phí của công nhân sản xuất.

Hiện nay tại Công ty áp dụng hai hình thức trả lương chính là Lương sản phẩm và Lương khoán. Ngoài ra còn có Lương doanh thu cho nhân viên kinh doanh.

- Lương sản phẩm áp dụng đối với công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm tại phân xưởng, một phần cho nhân viên phân xưởng và khối hành chính.

$$\text{Tiền lương sản phẩm} = \left[\frac{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành}}{\text{Định mức kg nhựa/sp}} \right] \times \text{Đơn giá tiền lương/kg}$$

Ví dụ: Công nhân Phạm Văn Yên làm việc ở xưởng sản xuất, trong tháng 12 làm được:

- + 1.250 sản phẩm đầu xe trước (định mức 0,216kg/sp)
- + 40 sản phẩm chấn bunn trước (định mức 0,646kg/sp)
- + 1.068 sản phẩm dải yếm (định mức 0,270kg/sp)
- + 650 sản phẩm yếm ngoài (định mức 0,903kg/sp)
- Đơn giá tiền lương/kg: 1.500đ/kg
- Vậy tiền lương của anh Yên

$$\begin{aligned} &= (1.250 \times 0,216 + 40 \times 0,646 + 1.068 \times 0,270 + 650 \times 0,903) \times \\ &1.500 \\ &= 1.756.725\text{đ} \end{aligned}$$

- Lương khoán cố định áp dụng với lao động gián tiếp, bộ phận quản lý, hành chính tại công ty

$$\text{Tiền lương tháng} = \frac{\text{Lương khoán} \times \text{Ngày công}}{26 \text{ ngày}} + \text{Tổng số phụ cấp}$$

Các khoản trích theo lương bao gồm : Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp:

+ Bảo hiểm xã hội(BHXH): BHXH được trích tổng là 20% trên tổng quỹ lương cơ bản trong đó 15% tính vào chi phí và 5% thu qua lương của người lao động.

+ Bảo hiểm y tế (BHYT): BHYT được trích tổng là 3% trên tổng quỹ lương cơ bản trong đó 2% tính vào chi phí và 1% thu qua lương của người lao động.

+ Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN): BHTN được trích tổng là 2% trên tổng quỹ lương cơ bản trong đó 1% tính vào chi phí và 1% thu qua lương của người lao động.

Công ty không trích kinh phí công đoàn.

***Chứng từ kế toán sử dụng**

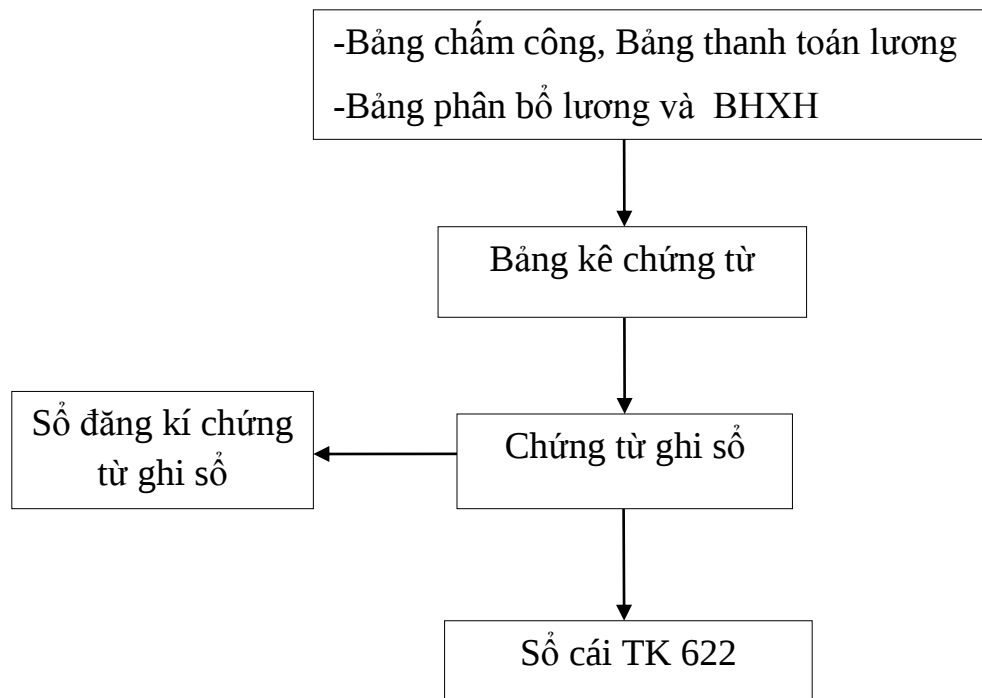
- Bảng chấm công: Theo dõi số ngày công của người lao động
- Bảng thanh toán lương

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội

***Tài khoản sử dụng**

- TK 622: Chi phí nhân công trực tiếp

***Trình tự hạch toán**



Sơ đồ 2.7. Trình tự hạch toán Chi phí nhân công trực tiếp tại Công ty cổ phần Hoàng Tân

Hàng ngày căn cứ vào kế hoạch sản xuất công nhân sẽ tiến hành sản xuất sản phẩm. Công nhân trong phân xưởng làm việc theo ca. Khi hết một ca làm việc, ca trước sẽ giao cho ca sau Sổ giao ca để hoàn thành nốt phần việc còn lại. Cuối tháng, căn cứ vào sổ giao ca do phân xưởng gửi lên phòng Hành chính sẽ tính lương cho công nhân sản xuất. Kế toán chỉ theo dõi tổng cộng, lập Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội, và chi trả lương cho toàn công ty. Chi phí nhân công trực tiếp được tập hợp chung cho tất cả các sản phẩm. Đến cuối tháng khi tính giá thành Công ty mới tiến hành phân bổ cho từng sản phẩm.

Ví dụ: Ngày 31/12, căn cứ vào Bảng thanh toán lương của phòng Hành chính (Biểu số 2.8), kế toán sẽ lập Bảng phân bổ lương và BHXH (Biểu số 2.9).

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG

Tháng 12 năm 2009

STT	Họ và tên	Chức vụ	Hệ số LCB	Tiền lương khoán cố định	Tiền lương công việc khác (trực,...)	Tiền lương sản phẩm	Tiền lương trách nhiệm	Tiền lương doanh thu bán hàng	Tổng thu nhập	Các khoản phải trả			Thu nhập còn lại	Ký nhận
										BHXH (5%)	BHYT (1%)	BHTN (1%)		
1	Đinh Quốc Quân	CN	1,78			2.065.045			2.065.045	57.850	11.570	11.570	1.984.055	
2	Đỗ Văn Vinh	CN	1,78		100.000	1.678.460			1.778.460	57.850	11.570	11.570	1.697.470	
3	Chu Văn Sáng	CN	1,78			1.900.575			1.900.575	57.850	11.570	11.570	1.819.585	
4	Phạm Văn Yên	CN	1,78		100.000	1.756.725			1.856.725	57.850	11.570	11.570	1.775.735	
5	Hoàng Thị Đường	CN	1,78		90.000	1.805.260			1.895.260	57.850	11.570	11.570	1.814.270	
6	Nguyễn Thị Thịnh	CN	1,78			1.790.560			1.790.560	57.850	11.570	11.570	1.709.570	
	...													
30	Bùi Thị Hạnh	NV	2,99	1.800.000	200.000			335.000	2.335.000	97.175	19.435	19.435	2.198.955	
31	Phạm Quốc Cường	NV	4,12	2.500.000		250.500			2.750.500	133.900	26.780	26.780	2.563.040	
32	Nguyễn Thị Lan	NV	2,29	1.900.000					1.900.000	74.425	14.885	14.885	1.795.805	
33	Bùi Thu Hương	NV	1,99	1.800.000	100.000				1.900.000	64.675	12.935	12.935	1.809.455	
	...													
	Cộng			10.664.286	30.205.130	99.795.276	265.000	5.216.398	146.146.090	3.485.625	697.125	697.125	141.266.215	

Biểu số 2.8. Bảng thanh toán lương

BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM THÁNG 12/2009

Đối tượng sử dụng	GHI CỐ TÀI KHOẢN 334						GHI CỐ TÀI KHOẢN 338			
	Lương CB, khoản CĐ	Lương SP	Lương DT	Phụ cấp TN	Lương khác	Cộng TK 334	BHTN 1%	BHXX 15%	BHYT 2%	Cộng TK 338
*TK 622 - Lương CN sx		68.129.615			11.404.230	79.533.845	352.495	5.287.425	704.990	6.344.910
- Phân xưởng sản xuất		68.129.615			5.504.230	73.633.845	352.495	5.287.425	704.990	6.344.910
- Phân bổ thêm tiền tết NĐ					5.900.000	5.900.000				-
*TK 627		15.544.046		200.000	9.090.600	24.836.646	132.080	1.981.200	264.160	2.377.440
- Lương gián tiếp		15.544.046		200.000	3.242.600	18.986.646	132.080	1.981.200	264.160	2.377.440
-Phân bổ tiền lương TN TPPT11 , tiền tết NĐ					2.250.000	2.250.000				-
-Tiền lương ngày 31/12					3.600.000	3.600.000				-
*TK 641- Lương bán hàng, bốc nhạ			5.216.398			5.216.398				
*TK 642	10.664.286	16.121.615		65.000	9.708.300	36.559.201	212.550	3.188.250	425.100	3.825.900
*Phân bổ tiền lương bs quý 4					4.900.000	4.900.000				-
*Tiền lương ngày 31/12					3.000.000	3.000.000				-
* Tiền lương khối HC	10.664.286	16.121.615		65.000	1.808.300	28.659.201	212.550	3.188.250	425.100	3.825.900
- Kế toán + HC		16.121.615		65.000	1.785.000	17.971.615	126.100	1.891.500	252.200	2.269.800
- Tổ bảo vệ	8.500.000				23.300	8.523.300	68.770	1.031.550	137.540	1.237.860
- Tổ tạp vụ	2.164.286					2.164.286	17.680	265.200	35.360	318.240
*TK 111 - BHXH, BHYT, BHTN người LĐ nộp (7%)						-	697.125	3.485.625	697.125	4.879.875
*Phải thu tiền BHYT - TK 1388 Nguyễn Thị Nga						-	23.140	231.400	34.710	289.250
Cộng	10.664.286	99.795.276	5.216.398	265.000	30.205.130	146.146.090	1.417.390	14.173.900	2.126.085	17.717.375

Biểu số 2.9. Bảng phân bổ lương và bảo hiểm xã hội

– Từ Bảng phân bổ lương và BHXH, kế toán nhập dữ liệu vào máy tính. Theo chương trình của phần mềm máy tính sẽ tự động ghi Chứng từ ghi sổ phân bổ lương (Biểu số 2.10) và Chứng từ ghi sổ phân bổ BHXH (Biểu số 2.11). Từ chứng từ ghi sổ máy sẽ ghi vào Sổ cái TK 622 (Biểu số 2.12).

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG TÂN

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31/12/2009

Số CTGS: 020/12

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Phân bổ tiền lương T12/09				
Phải trả người lao động		334		
Chi phí nhân công trực tiếp	622		79.533.845	
Chi phí sản xuất chung	627		24.836.646	
Chi phí bán hàng	641		5.216.398	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	642		36.559.201	
Cộng			146.146.090	

Biểu 2.10. Chứng từ ghi sổ phân bổ lương

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31/12/2009

Số CTGS: 021/12

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Phân bổ BHXH, BHYT T12/09				
Phải trả, phải nộp khác		338		
Chi phí nhân công trực tiếp	622		6.344.910	
Phải thu khác	138		289.250	
Chi phí sản xuất chung	627		2.377.440	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	642		3.825.900	
Cộng			12.837.500	

Biểu số 2.11. Chứng từ ghi sổ phân bổ BHXH, BHYT

SỔ CÁI

Năm: 2009

Tên tài khoản: Chi phí nhân công trực tiếp

Số hiệu: 622

CTGS		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		- Số dư đầu tháng 12			
		- Số phát sinh trong tháng 12			
001	31/12	Tiền ăn ca T12	111	8.256.000	
020	31/12	Phân bổ tiền lương T12	334	79.533.845	
021	31/12	Phân bổ BHXH, BHYT, BHTN	338	6.344.910	
024	31/12	Phân bổ CP NC	154		94.134.755
		-Cộng phát sinh		94.134.755	94.134.755
		-Số dư cuối tháng 12			

Biểu số 2.12.Sổ cái TK 622

2.2.1.5. Kế toán chi phí sản xuất chung tại công ty

Chi phí sản xuất chung là các khoản chi phí sản xuất phát sinh trong phạm vi phân xưởng sản xuất của công ty, liên quan đến quá trình phục vụ quản lý các phân xưởng. Các chi phí được tập hợp vào chi phí sản xuất chung bao gồm:

- Chi phí nhân viên xưởng sản xuất
- Chi phí công cụ, dụng cụ, nguyên vật liệu
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác

Chi phí sản xuất chung được tập hợp chung toàn phân xưởng. Đến cuối tháng khi tính giá thành Công ty mới tiến hành phân bổ cho từng sản phẩm.

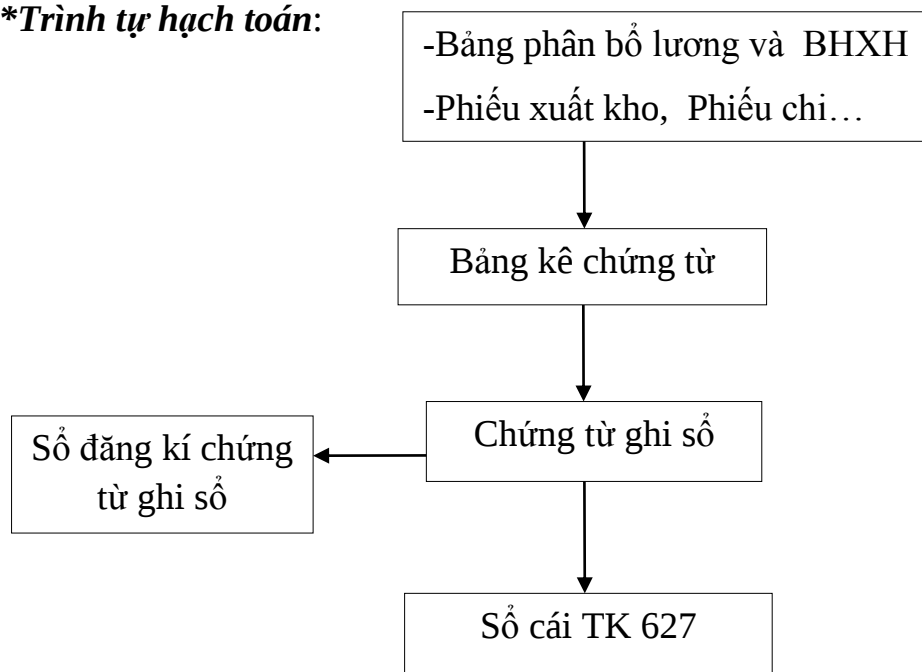
****Chứng từ kế toán sử dụng***

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Phiếu xuất kho NVL, CCDC
- Hóa đơn GTGT của dịch vụ mua ngoài...

****Tài khoản sử dụng***

- TK 627: Chi phí sản xuất chung

****Trình tự hạch toán:***



Sơ đồ 2.8. Trình tự hạch toán Chi phí sản xuất chung tại Công ty cổ phần Hoàng Tân

1) Chi phí nhân viên xưởng sản xuất: Bao gồm tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên trong xưởng sản xuất. Việc tính lương và các khoản

trích theo lương cũng được tiến hành tương tự như của công nhân trực tiếp sản xuất. Phòng Hành chính sẽ tính lương cho nhân viên trong phân xưởng. Kế toán sẽ lập Bảng phân bổ lương và BHXH cho toàn công ty và chi trả khi có phê duyệt của Giám đốc.

Sau khi tính lương cho nhân viên phân xưởng, kế toán sẽ tập hợp khoản chi phí này vào TK 627 - Chi phí sản xuất chung phát sinh trong tháng để chờ phân bổ cho các loại sản phẩm.

2) Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ cho phân xưởng:

- Nguyên vật liệu xuất dùng cho phân xưởng như dầu diesel, dầu thủy lực,...
- Công cụ dụng cụ trong công ty bao gồm rất nhiều loại như: Vòng bi, dây curoa, găng tay sợi, vòng nhiệt, đầu phun nhựa, thanh đẩy cửa gió, trục đẩy cửa gió... Với những công cụ dụng cụ có giá trị nhỏ khi xuất dùng đều được phân bổ một lần vào chi phí sản xuất, còn giá trị lớn thì được phân bổ dần vào TK 142- Chi phí trả trước ngắn hạn.

Giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất dùng được tính theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán tương tự như khi xuất NVL để sản xuất sản phẩm.

Ví dụ: Ngày 03/12/09, xuất kho công cụ dụng cụ để phục vụ sản xuất. Quản đốc phân xưởng sẽ viết Giấy đề nghị kiêm phiếu xuất kho (Biểu 2.13) để làm thủ tục xuất kho CCDC. Từ Giấy đề nghị kiêm phiếu xuất kho, kế toán sẽ nhập dữ liệu vào máy tính. Theo chương trình cài đặt, phần mềm kế toán sẽ tự động ghi Chứng từ ghi sổ xuất kho CCDC, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái TK 627.

Nghiệp vụ được định khoản:

Nợ TK 627 : 8.035.700

Có TK 153 : 8.035.700

GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM PHIẾU XUẤT KHO CCDC

Số: T12XCC01

Đề nghị cấp vật tư theo kế hoạch: *Phục vụ sản xuất*Đơn vị nhận vật tư: *Xưởng sản xuất*

Vật tư cấp phát như sau:

STT	Loại vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Zoăng vuông	Chiếc	100	27.480	2.748.000	
2	Thanh êva 200×5×25	“	100	2.750	275.000	
3	Thanh êva 200×5×20	“	100	2.727	272.700	
4	Thanh dầy	“	400	4.900	1.960.000	
5	Trục dầy	“	400	6.400	2.560.000	
6	Vít hãm	“	400	550	220.000	
	Cộng				8.035.700	

Hải Phòng, ngày 3 tháng 12 năm 2009

Thủ trưởng**Kế toán****PT cung tiêu****Thủ kho****Người nhận****Biểu số 2.13. Phiếu xuất kho CCDC**

3) Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác: Gồm các chi phí dịch vụ mua ngoài dùng cho hoạt động phục vụ và quản lý tại công ty và một số khoản chi phí bằng tiền khác như: tiền điện, nước, chi phí sửa chữa máy móc thiết bị... Với những chi phí phát sinh liên quan đến nhiều kỳ sản xuất sẽ được phân bổ dần qua 2 tài khoản: Tài khoản 242 – Chi phí trả trước dài hạn dùng để phân bổ chi phí phát sinh của nhiều năm tài chính, TK 142 – Chi phí trả trước ngắn hạn dùng để phân bổ chi phí phát sinh trong một năm tài chính

Đối với những khoản chi phí này, kế toán căn cứ vào Giấy đề nghị thanh toán và Hóa đơn GTGT của dịch vụ phát sinh để tiến hành định khoản và ghi vào sổ sách có liên quan.

Ví dụ: Ngày 31/12, thanh toán tiền phục vụ sản xuất và sửa chữa, tổng số tiền 5.511.000.

Căn cứ vào Giấy đề nghị thanh toán (Biểu số 2.14) và hoá đơn GTGT số 0073809 (Biểu số 2.15), kế toán nhập dữ liệu vào máy tính rồi in Phiếu chi số 730 (Biểu số 2.16). Nghiệp vụ được định khoản:

Nợ TK 1331	:	501.000
Nợ TK 6271	:	5.010.000
Có TK 1111	:	5.511.000

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG TÂN

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kính gửi: Tổng giám đốc Công ty cổ phần Hoàng Tân

Họ tên người thanh toán: Bùi Đức Mạnh

Địa chỉ: Phòng Vật tư - Kỹ thuật

Nội dung thanh toán: Tiền phục vụ sản xuất và sửa chữa tháng 12

Tổng số tiền : 5.511.000 (*Năm triệu năm trăm mười một ngàn đồng chẵn.*)

Trưởng bộ phận	Người đề nghị	Lãnh đạo duyệt	Kế toán
-----------------------	----------------------	-----------------------	----------------

Biểu số 2.14. Giấy đề nghị thanh toán

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao khách hàng

Ngày 15 tháng 12 năm 2009

Mẫu số: 01 GTKT- 3LL

KD/2009B

0073809

Đơn vị bán hàng:.....
 Địa chỉ:
 Số tài khoản:
 Điện thoại: MS

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ TÂN HẢI
151 Ngô Gia Tự- Hải An- Hải Phòng
MST: 0200597337

Họ tên người mua hàng: Bùi Đức Mạnh

Tên đơn vị: Công ty cổ phần Hoàng Tân

Địa chỉ: Số 49 Nguyễn Bình, Đồng Quốc Bình, Q.Ngô Quyền, Hải Phòng

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: TM MS

ST T	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Phay sửa khuôn mặt nạ	Cái	1	100.000	100.000
2	Mài mặt bơm thuỷ lực	Cái	1	200.000	200.000
3	Khoan đế khuôn mặt nạ	Cái	1	340.000	340.000
4	Sửa cuống phun khuôn CBS	Cái	1	120.000	120.000
5	Sửa chữa làm mát khuôn CBS	Bộ	1	4.250.000	4.250.000
Cộng tiền hàng:					5.010.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			501.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					5.511.000
Số tiền viết bằng chữ: Năm triệu năm trăm mười một ngàn đồng chẵn/					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

FAST Phiếu chi tiền mặt. Kỳ : 01/12/09-31/12/09 - Đơn vị: Công ty Cổ phần Hoàng Tân

Loại phiếu chi	8	T/t chi phí trực tiếp bằng tiền	Ngày ht	31/12/2009
Mã khách	CTTH	Công ty TNHH cơ khí Tân Hải	Ngày lập pc	31/12/2009
Địa chỉ	151 Ngô Gia Tự, Hải An, Hải Phòng		Quyển số	
Ng. nhận tiền	Bùi Đức Mạnh		Số pc	730
Lý do chi	Thanh toán tiền phục vụ sản xuất và sửa chữa tháng 12		TGGS	VND 1,00
Tk có	1111	Tiền mặt Việt Nam	Hạn TT	0

Hạch toán | HĐ thuế | F4-Thêm dòng mới, F5-Tính tỷ giá ghi sổ, F8-Xóa dòng, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết

Tk nợ	Tên tài khoản	Ps nợ VND	Diễn giải	HĐ	Ấu b
627	Chi phí sản xuất chung	5 010 000	Thanh toán tiền phục vụ sản xuất và	1	3

☐ Sửa trường tiền
 ☐ Sửa tỷ giá ghi sổ
 ☐ Sửa thông tin thuế
 Tiền hh, dv 5 010 000
 Chi phí sản xuất chung Tiền thuế 501 000
 Trạng thái Tổng TT 5 511 000

Biểu số 2.16. Giao diện Phiếu chi

- Từ Hóa đơn GTGT, kế toán nhập dữ liệu vào máy tính. Máy tính sẽ tự động ghi Bảng kê chứng từ chi tiền mặt và vào Chứng từ ghi sổ chi tiền mặt (Biểu số 2.17)
- Từ chứng từ ghi sổ máy tính cũng vào Sổ cái TK 627 (Biểu số 2.18).

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31/12/2009

Số CTGS: 002/12

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Chi tiền mặt tháng 12/09				
Tiền mặt VNĐ		1111		
Nguyên liệu, vật liệu	152		7.090.545	
Công cụ, dụng cụ	153		22.714.280	
Phải trả người lao động	334		134.195.304	
Tiền gửi ngân hàng	112		289.602.500	
Thuế GTGT được khấu trừ	133		7.286.655	
Tạm ứng	141		148.513.500	
Thuế và các khoản phải nộp NN	333		39.426.592	
Phải trả, phải nộp khác	338		109.494.807	
Chi phí nhân công trực tiếp	622		8.256.000	
Chi phí chung	672		10.872.767	
Chi phí bán hàng	641		60.702.607	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	642		19.612.227	
Cộng			857.767.784	

Kèm theo :chứng từ gốc

Biểu số 2.17. Chứng từ ghi sổ chi tiền mặt

SỔ CÁI

Năm: 2009

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất chung

Số hiệu: 627

CTGS		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		- Số dư đầu tháng 12			
		- Số phát sinh trong tháng 12			
002	31/12	Chi tiền mặt tháng 12	111	10.872.767	
008	31/12	Phân bổ chi phí ngắn hạn	142	5.842.857	
010	31/12	Xuất kho NVL	152	239.091	
011	31/12	Xuất kho CCDC	153	36.345.195	
017	31/12	Phân bổ chi phí dài hạn	242	4.719.179	
018	31/12	Phải trả người bán	331	37.520.000	
020	31/12	Phân bổ tiền lương T12	334	24.836.646	
021	31/12	Phân bổ BHXH, BHYT, BHTN	338	2.377.440	
022	31/12	Trích trước tiền điện	335	76.021.432	
024	31/12	Phân bổ chi phí NC, SXC	154		198.774.607
		- Cộng phát sinh		198.774.607	198.774.607
		- Số dư cuối tháng 12			

Biểu số 2.18. Sổ cái TK 627**2.2.1.6. Kế toán chi phí khấu hao tài sản cố định tại công ty**

Do đặc thù sản xuất nên công ty áp dụng 2 hình thức tính khấu hao tài sản cố định là : Khấu hao theo sản lượng sản phẩm áp dụng cho máy móc thiết bị tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất và khấu hao theo đường thẳng cho các tài sản cố định còn lại.

– Mức trích khấu hao hàng tháng theo phương pháp sản lượng:

$$\frac{\text{Mức trích khấu hao trong tháng của tài sản cố định}}{\text{Số lượng sản phẩm sản xuất trong tháng}} = \frac{\text{Mức trích khấu hao bình quân tính cho một đơn vị sản phẩm}}{\text{Nguyên giá TSCĐ}} \times \frac{\text{Sản lượng theo công suất thiết kế}}{\text{Sản lượng sản xuất trong tháng}}$$

Trong đó:

$$\frac{\text{Mức trích khấu hao bình quân tính cho một đơn vị sản phẩm}}{\text{Nguyên giá TSCĐ}} = \frac{\text{Nguyên giá TSCĐ}}{\text{Sản lượng theo công suất thiết kế}}$$

– Mức trích khấu hao theo đường thẳng:

$$\text{Mức khấu hao tháng} = \frac{\text{Nguyên giá TSCĐ}}{\text{Thời gian sử dụng}} \times \frac{1}{12 \text{ tháng}}$$

Đối với TSCĐ trích khấu hao theo phương pháp sản lượng, chi phí khấu hao được tính cho toàn bộ sản phẩm và được hạch toán trực tiếp vào bên Nợ của tài khoản 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Kế toán sẽ tiến hành các thao tác trên máy tính để trích khấu hao cho toàn bộ TSCĐ trong công ty vào cuối mỗi tháng rồi in ra Bảng tổng hợp và khấu hao tài sản. Sau đó mới phân bổ chi phí khấu hao cho từng sản phẩm để tính giá thành. Máy tính sẽ tự động ghi Chứng từ ghi sổ, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, và các sổ khác có liên quan.

Ví dụ: Tính khấu hao cho Bơm thủy lực kép 850 tháng 12/2009:

- Nguyên giá: 13.500.000đ
- Sản lượng theo công suất thiết kế: 230.000 sản phẩm
- Sản lượng sản xuất trong tháng 12: 3.150 sản phẩm
- Vậy khấu hao cho Bơm thủy lực trong tháng 12 là:

$$= 3.150 \times \frac{13.500.000}{230.000} = 184.891\text{đ}$$

– Kế toán sẽ tiến hành các thao tác trên máy tính để tính khấu hao. Theo chương trình cài đặt sẵn máy tính sẽ tự động tính và in ra Bảng tổng hợp tài sản và khấu hao tài sản tháng 12 (Biểu số 2.19)

BẢNG TỔNG HỢP TÀI SẢN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN THÁNG 12/2009

S T T	Tên TSCĐ	Năm sử dụng	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Nguyên giá TSCĐ	Giá trị khấu hao đến 30/11/09	Số năm khấu hao	Khấu hao năm 2009 (Từ 1/12 – 31/12)	Giá trị còn lại	Phân bổ khấu hao
1	Máy hàn TIG180A, NBC250F	1/4/08	Phân xưởng	1	13.428.570	2.242.357	Khấu hao theo SP	112.118	11.074.095	TK154
2	Pa lăng cáp 7.5 tấn	01/5/08	Phân xưởng	1	39.047.000	6.520.224	Khấu hao theo SP	343.170	32.183.606	TK154
3	Cổng trục palăng 7,5 tấn	01/6/08	Phân xưởng	1	133.333.333	22.264.533	Khấu hao theo SP	1.236.919	109.831.882	TK154
4	Bơm thủy lực kép 850	01/9/08	Phân xưởng	1	13.500.000	2.254.284	Khấu hao theo SP	150.286	11.060.825	TK154
5	Khuôn ép lazăng lõi nhôm	1/11/08	Phân xưởng	1	228.571.428	38.167.771	Khấu hao theo SP	2.935.982	187.467.675	TK154
6	Vỏ container	01/6/08	Phân xưởng	1	20.909.090	3.491.484	Khấu hao theo SP	193.971	17.223.635	TK154
7	Ổn áp 50KVA Standar	01/4/08	Phân xưởng	1	26.500.000	4.425.076	Khấu hao theo SP	221.254	21.853.670	TK154
	...									
I	Cộng máy móc thiết bị				4.592.260.157	987.560.253		65.908.447	3.542.139.357	
1	Máy tính NB ACER	01/5/08	Phòng KTTC	1	14.313.333	7.554.259	3 năm	397.593	6.361.481	TK642
2	Máy vi tính HP	01/7/08	Phòng TCHC	1	14.750.000	6.965.278	3 năm	409.722	7.375.000	TK642
3	Máy điều hoà NATIONAL	01/8/09	Phòng TCHC	3	28.500.000	12.666.667	3 năm	791.667	15.041.667	TK642
	...									
II	Cộng thiết bị dụng cụ quản lý				71.563.333	35.936.204		2.182.315	33.444.815	
	...									
	Tổng cộng tài sản				7.970.583.873	1.409.372.891		88.833.905	6.472.377.077	

Biểu số 2.19. Bảng tổng hợp tài sản và khấu hao tài sản

2.2.2. Kế toán đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ tại công ty

Công ty cổ phần Hoàng Tân có quy trình công nghệ giản đơn, khép kín từ khi bỏ nguyên vật liệu vào sản xuất đến khi sản phẩm hoàn thành, thời gian sản xuất ngắn chỉ trong 1 hoặc 2 ngày. Sản phẩm của công ty chỉ qua một giai đoạn là đổ nhựa vào và chạy máy để ra sản phẩm. Do vậy công ty không có bán thành phẩm và không có chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu và cuối kỳ.

2.2.3. Kế toán giá thành sản phẩm tại công ty**2.2.3.1. Đối tượng tính giá thành và kỳ tính giá thành**

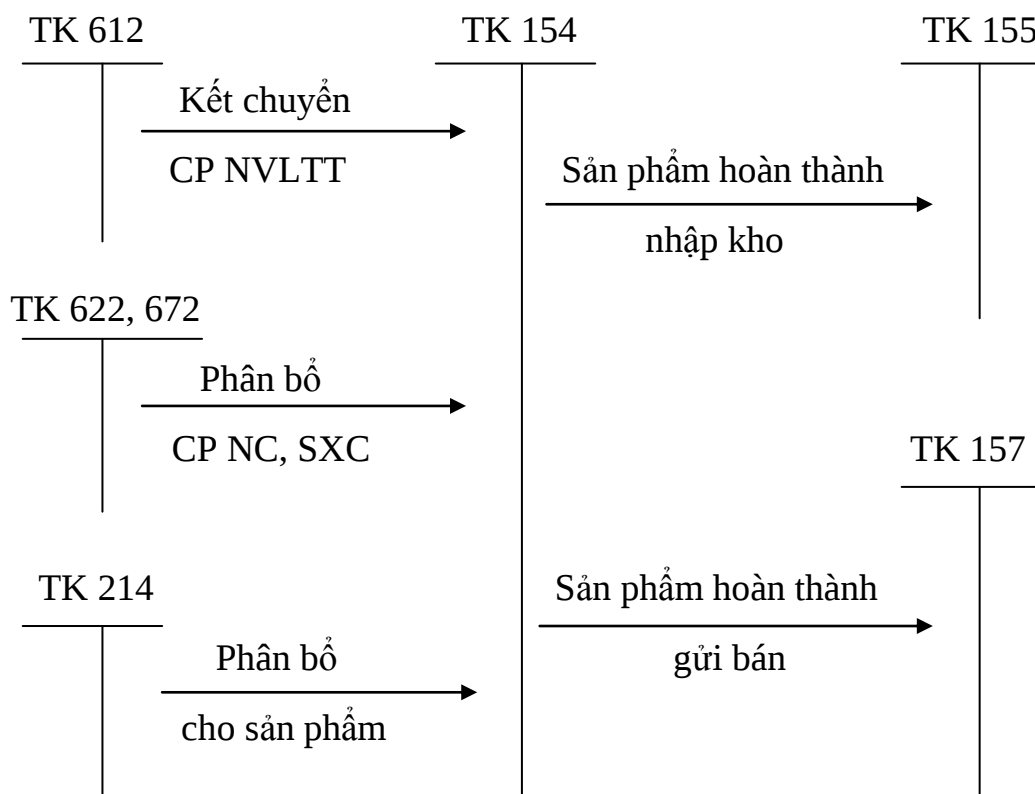
Sản phẩm của công ty chủ yếu là các loại phụ tùng xe máy bằng nhựa, vì vậy đối tượng tính giá thành ở công ty là từng loại sản phẩm hoàn thành như: từng cái chắn bùn trước, choá pha, ốp giảm sóc, đầu xe trước,...

Do đặc điểm sản xuất của công ty là chu kỳ sản xuất ngắn nên kỳ tính giá thành tại công ty là theo tháng. Đơn vị tiền tệ sử dụng để tính giá thành là đồng/sản phẩm

2.2.3.2. Tập hợp chi phí và tính giá thành tại công ty

Để tập hợp toàn bộ chi phí sản xuất trong tháng, công ty sử dụng tài khoản 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. TK 154 cũng được mở chi tiết cho từng sản phẩm như TK 621 để tập hợp chi phí, tính giá thành. Căn cứ vào các số liệu đã tập hợp được ở các TK 621, TK 622, TK 627, TK 214, kế toán thực hiện bút toán kết chuyển sang TK 154.

Sơ đồ 2.9. Sơ đồ tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty cổ phần Hoàng Tân

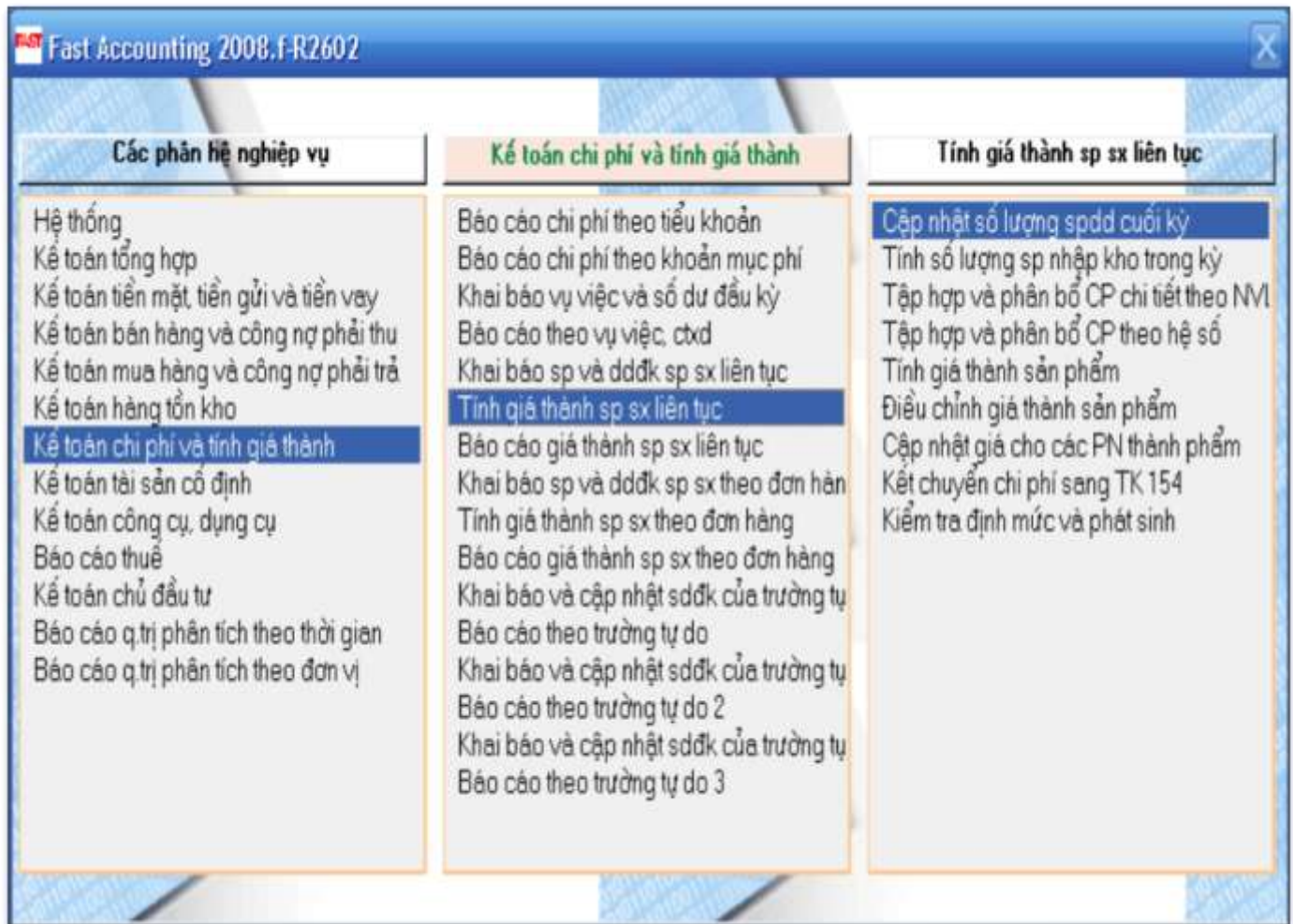


Đối với Chi phí nhân công trực tiếp, Chi phí sản xuất chung và Chi phí khấu hao TSCĐ kế toán sẽ tiến hành thao tác trên máy tính tại phân hệ Kế toán chi phí và tính giá thành để phân bổ chi phí cho từng sản phẩm theo Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Hàng tháng kế toán chỉ cần nhập số lượng sản phẩm hoàn thành của từng loại sản phẩm và chọn tiêu thức phân bổ trên phần mềm kế toán. Phần mềm sẽ tự động tính ra chi phí NCTT, SCX, KHTSCĐ được phân bổ cho từng loại sản phẩm, số liệu này sẽ được thể hiện trên bảng tính giá thành sản phẩm.

$$\text{Chi phí phân bổ cho từng sp} = \frac{\text{Chi phí NVLTT của từng sp}}{\text{Tổng chi phí NVLTT}} \times \frac{\text{Chi phí NCTT, SCX, KHTSCĐ}}{\text{KHTSCĐ}}$$

Máy tính sẽ tự động lập Bảng tính giá thành sản phẩm, ghi Bảng kê chứng từ phân bổ chi phí, Chứng từ ghi sổ, vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.



Giao diện phân hệ kế toán chi phí và tính giá thành

****Phương pháp tính giá thành tại công ty***

Do đặc điểm của quá trình sản xuất đơn giản, nguyên vật liệu chỉ có một loại chính là nhựa, sản phẩm được sản xuất hàng loạt và bao gồm nhiều loại nên công ty đã chọn phương pháp tính giá thành của sản phẩm theo phương pháp giản đơn. Vì không có sản phẩm dở dang nên mọi chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ đều được tính cho sản phẩm hoàn thành.

$$\text{Tổng giá thành} = \text{Tổng chi phí phát sinh trong kì}$$

$$\text{Giá thành đơn vị} = \frac{\text{Tổng giá thành}}{\text{Số lượng sản phẩm sản xuất trong tháng}}$$

Ví dụ: Ngày 31/12, kế toán tiến hành thao tác kết chuyển chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm trong tháng 12.

Máy tính sẽ tổng hợp chi phí sản xuất trong tháng 12 và lập Chứng từ ghi sổ CP NVLTT (Biểu số 2.20), Chứng từ ghi sổ CPNC, CPSXC (Biểu số 2.21), Chứng từ ghi sổ khấu hao TSCĐ (Biểu số 2.22) và vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG TÂN

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31/12/2009

Số CTGS: 023/12

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Phân bổ chi phí NVL TT vào gtsp				
Chi phí SXKD dở dang	154			
Chi phí NVL TT		621	884.765.876	
Cộng			884.765.876	

Kèm theo : chứng từ gốc

Biểu 2.20. Chứng từ ghi sổ chi phí NVL TT

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31/12/2009

Số CTGS: 024/12

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Phân bổ chi phí NCTT, SXC vào gtsp				
Chi phí SXKD dở dang	154			
Chi phí NCTT		622	94.134.755	
Chi phí sản xuất chung		627	198.774.607	
Cộng			292.909.362	

Kèm theo : chứng từ gốc

Biểu 2.21.Chứng từ ghi sổ chi phí NCTT, SXC**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Ngày 31/12/2009

Số CTGS: 016/12

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Khấu hao TSCĐ T12				
Hao mòn TSCĐ		214		
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	154		65.908.447	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	642		22.925.458	
Cộng			88.833.905	

Kèm theo :chứng từ gốc

Biểu số 2.22.Chứng từ ghi sổ khấu hao TSCĐ

Chi phí sản xuất toàn công ty đã tập hợp trong kì là :

+ Chi phí NVLTT : 884.765.876 đ

+ Chi phí NCTT: 94.134.755 đ

+ Chi phí SXC: 198.774.607 đ

+ Chi phí KHTSCĐ: 65.908.447 đ

→ Tổng chi phí: 1.243.583.685 đ

Trong tháng 12/2009, sản phẩm đầu xe trước sản xuất hoàn thành 9.167 sản phẩm. Giá thành cho sản phẩm đầu xe trước được tính theo phương pháp giản đơn như sau:

– Kết chuyển Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cho sản phẩm đầu xe trước:

Nợ TK 154 ĐXT : 51.100.600

Có TK 621 ĐXT : 51.100.600

– Phân bổ chi phí nhân công trực tiếp cho sản phẩm đầu xe trước:

$$= \frac{51.100.600}{884.765.876} \times 94.134.755 = 5.436.854 \text{ đ}$$

Nợ TK 154 ĐXT : 5.436.854

Có TK 622 ĐXT : 5.436.854

– Phân bổ chi phí sản xuất chung cho sản phẩm đầu xe trước:

$$= \frac{51.100.600}{884.765.876} \times 198.774.607 = 11.480.440 \text{ đ}$$

Nợ TK 154 ĐXT : 11.480.440

Có TK 627 ĐXT : 11.480.440

– Phân bổ chi phí khấu hao cho sản phẩm đầu xe trước

$$= \frac{51.100.600}{884.765.876} \times 65.908.447 = 3.806.613 \text{ đ}$$

Nợ TK 154 ĐXT : 3.806.613

Có TK 214 ĐXT : 3.806.613

– Tổng giá thành sản phẩm đầu xe trước:

$$= 51.100.600 + 5.436.854 + 11.480.440 + 3.806.613 = 71.824.507 \text{ đ}$$

$$\text{Giá thành đơn vị} = \frac{71.842.507}{9.167\text{sp}} = 7.835,116 \text{ đ/sp}$$

– Nhập kho thành phẩm

Nợ TK 155 ĐXT : 71.824.507

Có TK 154 ĐXT : 71.824.507

Sau khi thực hiện thao tác phân bổ chi phí sản xuất để tính giá thành sản phẩm, máy tính sẽ tự động lập Bảng phân bổ chi phí sản xuất (Biểu số 2.23). Sau đó tập hợp dữ liệu vào Bảng kê chứng từ phân bổ chi phí sản xuất (Biểu số 2.24)

BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ SẢN XUẤT

Tháng 12 năm 2009

Mã vụ việc	Tên vụ việc, sản phẩm	621	622	214	627	Tổng chi phí
MNKRS	Sản xuất mặt nạ KRS	31.865.619	3.390.346	2.373.751	7.159.042	44.788.757
CBT C110	Sản xuất chắn bùn trước C110	12.286.117	1.307.183	915.224	2.760.242	17.268.766
CHOAPHA	Sản xuất choá pha C110	25.932.553	2.759.097	1.931.781	5.826.098	36.449.529
MN C110	Sản xuất mặt nạ C110	1.875.137	225.641	126.000	464.695	2.691.473
DY C110	Sản xuất dải yếm C110	70.496.599	7.500.493	5.251.470	15.838.013	99.086.575
OGS C110	Sản xuất ốp giảm sóc C100	18.805.021	2.000.762	1.400.834	4.224.802	26.431.418
YT C110	Sản xuất yếm trong C110	28.668.203	3.050.156	2.135.567	6.440.699	40.294.626
ODS	Sản xuất ốp đuôi sau	2.810.533	299.027	209.364	631.424	3.950.348
	...					
DXD	Sản xuất đầu xe dưới	25.349.986	2.697.114	1.888.385	5.695.217	35.630.701
OSP C110	Sản xuất ốp sườn phải C110	12.391.896	1.318.437	923.104	2.784.007	17.417.443
OGS C110	Sản xuất ốp giảm sóc C110	2.640.113	280.895	196.669	593.137	3.710.814
DXT C110	Sản xuất đầu xe trước C110	51.100.600	5.436.854	3.806.613	11.480.440	71.824.507
	Tổng cộng	884.765.876	94.134.755	65.908.447	198.774.607	1.243.583.685

Biểu số 2.23. Bảng phân bổ chi phí sản xuất

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ

Tài khoản: 154 Chi phí SXKD dở dang

Phát sinh nợ **1.243.583.685**Phát sinh có **1.243.583.685**

Ngày	Số CT	Diễn giải	Số hiệu	PS Nợ	PS Có
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (621)					
31/12	BPBCP	Kết chuyển NVL TT : 154 CBT C110	621	12.286.117	
31/12	BPBCP	Kết chuyển NVL TT : 154 ĐXT C110	621	51.100.600	
		...			
		Cộng		884.765.876	
Khấu hao TSCĐ (214)					
31/12	BPBCP	Phân bổ khấu hao cho SP: Chấn bụn trước	214	915.224	
31/12	BPBCP	Phân bổ khấu hao cho SP: Đầu xe trước C110	214	3.806.613	
		...			
		Cộng		65.908.447	
Chi phí nhân công trực tiếp (622)					
31/12	BPBCP	Phân bổ CP NCTT : 154 CBT C110	622	1.307.183	
31/12	BPBCP	Phân bổ CP NCTT : 154 ĐXT C110	622	7.080.221	
		...			
		Cộng		94.134.755	
Chi phí sản xuất chung (627)					
31/12	BPBCP	Phân bổ CP SXC : 154 CBT C110	627	2.760.242	
31/12	BPBCP	Phân bổ CPS XC : 154 ĐXT C110...	627	11.480.440	
		Cộng		198.774.607	
Thành phẩm (155)					
10/12	NK12	Giá thành sản phẩm ĐXT	155		71.824.507
		...			
		Cộng			1.243.583.685

Biểu 2.24. Bảng kê chứng từ tài khoản 154

– Từ Bảng kê chứng từ máy tính tự động lập Chứng từ ghi sổ nhập kho thành phẩm (Biểu số 2.25), vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và ghi Sổ cái TK 154 (Biểu số 2.26)

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG TÂN

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31/12/2009

Số CTGS: 012/12

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Nhập kho thành phẩm				
Thành phẩm	155			
Chi phí SXKD dở dang		154	1.243.583.685	
Cộng			1.243.583.685	

Kèm theo : chứng từ gốc

Biểu 2.25. Chứng từ ghi sổ nhập kho thành phẩm

SỔ CÁI

Năm: 2009

Tên tài khoản: Chi phí SXKD dở dang

Số hiệu: 154

CTGS		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		- Số dư đầu tháng 12		0	
		-Số phát sinh trong tháng 12			
016	31/12	Khấu hao TSCĐ T12	214	65.908.447	
023	31/12	Phân bổ chi phí NVL TT vào gtsp	621	884.765.876	
024	31/12	Phân bổ chi phí NCTT, SXC vào gtsp	627	292.909.362	
012	31/12	Nhập kho thành phẩm	155		1.243.583.685
		-Cộng phát sinh		1.243.583.685	1.243.583.685
		-Số dư cuối tháng 12		0	

Biểu số 2.26.Sổ cái TK 154

– Đồng thời từ Bảng phân bổ chi phí sản xuất, máy tính sẽ tự động ghi Sổ chi tiết TK 154 cho sản phẩm đầu xe trước (Biểu số 2.27) và lập Bảng tính giá thành (Biểu số 2.28)

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG TÂN**SỔ CHI TIẾT VỤ VIỆC**

Vụ việc: ĐXT - Sản xuất đầu xe trước

Tài khoản: 154ĐXT

Tháng 12 năm 2009

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
B	C	D	E	1	2
		Số dư đầu tháng 12		0	
BPBCP	31/12	Kết chuyển NVL TT : 154 ĐXT C110	621	51.100.600	
BPBCP	31/12	Phân bổ CPS XC : 154 ĐXT C110	627	11.480.440	
BPBCP	31/12	Phân bổ CP NCTT : 154 ĐXT C110	622	5.436.854	
BPBCP	31/12	Phân bổ khấu hao cho SP: Đầu xe trước C110	214	3.806.613	
NKT1212	10/12	Nhập kho đầu xe trước	155		71.824.507
		Cộng số phát sinh		71.824.507	
		Số dư cuối tháng 12		0	

Biểu số 2.27.Sổ chi tiết TK 154 cho sản phẩm đầu xe trước

BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH PHẨM

Tháng 12 năm 2009

Tên công trình, sản phẩm	Chi phí dở dang đầu kì	Chi phí sản xuất phát sinh trong kì				Chi phí dở dang cuối kì	Tổng giá thành	Số lượng nhập	Giá thành đơn vị
		CP vật liệu	CP nhân công	CP khấu hao	CP chung				
MNKRS - Mặt nạ KRS		31.865.619	3.390.346	2.373.751	7.159.042		44.788.757	7.251	6.176,908
CBT C110 - Chấn bùn trước C110		12.286.117	1.307.183	915.224	2.760.242		17.268.766	737	23.431,161
CHOAPHA - Choá pha C110		25.932.553	2.759.097	1.931.781	5.826.098		36.449.529	5.352	6.810,450
MN C110 - Mặt nạ C110		1.875.137	225.641	126.000	464.695		2.691.473	420	6.408,269
DY - Dải yếm C110		70.496.599	7.500.493	5.251.470	15.838.013		99.086.575	10.219	9.696,308
OGS C110 - Ôp giảm sóc C100		18.805.021	2.000.762	1.400.834	4.224.802		26.431.418	4.000	6.607,855
YT C110 - Yếm trong C110		28.668.203	3.050.156	2.135.567	6.440.699		40.294.626	4.795	8.403,467
ODS - Ôp đuôi sau		2.810.533	299.027	209.364	631.424		3.950.348	2.750	1.436,490
...									
ĐXD - Đầu xe dưới		25.349.986	2.697.114	1.888.385	5.695.217		35.630.701	4.240	8.403,467
OSP C110 - Ôp sườn phải C110		12.391.896	1.318.437	923.104	2.784.007		17.417.443	1.250	13.933,954
OGS C110 - ôp giảm sóc C110		2.640.113	280.895	196.669	593.137		3.710.814	636	5.834,613
ĐXT C110 - Đầu xe trước C110		51.100.600	5.436.854	3.806.613	11.480.440		71.824.507	9.167	7.835,116
Tổng cộng		884.765.876	94.134.755	65.908.447	198.774.607		1.243.583.685		

Biểu số 2.28. Bảng tính giá thành

CHƯƠNG III

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG TÂN

3.1.Đánh giá thực trạng công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần Hoàng Tân

Là một doanh nghiệp mới thành lập chính thức đi vào hoạt động từ tháng 5 năm 2001, mặc dù còn rất nhiều khó khăn song Công ty cổ phần Hoàng Tân đã từng bước khẳng định được vị thế của mình trên thị trường và chiếm được lòng tin của khách hàng.

Quá trình hoạt động sản xuất từ khi công ty thành lập cho tới nay đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Đặc biệt từ khi công ty cổ phần hóa vào đầu năm 2007, hiệu quả sản xuất kinh doanh được tăng lên đáng kể. Bộ máy tổ chức quản lý được sắp xếp lại một cách khoa học, gọn nhẹ. Cơ chế hoạt động mới đã khuyến khích người lao động cố gắng phát huy sức sáng tạo và năng lực của mình cho công ty.

Nhận thức được việc đưa ra các giải pháp phù hợp trong điều kiện hiện nay chỉ có thể thực hiện trên cơ sở phân tích đánh giá một cách khách quan, đầy đủ tình hình quản lý của công ty mà nội dung chủ yếu là công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm, công ty luôn cố gắng nghiên cứu tìm ra những biện pháp cụ thể về quản lý chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cho phù hợp với điều kiện của mình. Phần hành kế toán chi phí giá thành được công ty coi là một khâu quan trọng trong công tác kế toán, được theo dõi và đánh giá kết quả hoạt động thường xuyên.

Qua một thời gian ngắn thực tập tại công ty, được tìm hiểu về bộ máy kế toán và công tác tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm, em nhận thấy đã có nhiều ưu điểm cần phát huy song bên cạnh đó còn tồn tại một số điểm chưa thật phù hợp cho công tác quản lý

3.1.1. Ưu điểm

– Về bộ máy kế toán: Công ty có bộ máy kế toán khá phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh. Bộ máy kế toán gọn nhẹ, hợp lý, hoạt động có nề nếp. Hệ thống chứng từ được quản lý và luân chuyển khá chặt chẽ. Các cán bộ kế toán có trình độ, tác phong làm việc khoa học, có tinh thần trách nhiệm cao.

– Về hình thức kế toán: hình thức kế toán máy đã giúp các kế toán viên trong công ty giảm bớt khối lượng công việc, nâng cao được hiệu suất và đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin một cách kịp thời. Công ty chọn hình thức sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ là phù hợp với đặc điểm sản xuất của công ty, các loại sổ sách chứng từ theo đúng mẫu ban hành của chế độ tài chính hiện hành, đảm bảo đầy đủ, đáp ứng được yêu cầu ghi chép và phản ánh thông tin một cách chính xác.

– Về phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên giúp công ty có thể kịp thời nắm bắt được thông tin một cách đầy đủ, toàn diện tình hình nhập, xuất hàng tồn kho trong kỳ. Từ đó nâng cao công tác quản lý vật tư, hàng hóa và đề ra các biện pháp nhằm dự trữ, sử dụng có hiệu quả.

– Về hạch toán NVL:

+ Chứng từ nhập xuất kho NVL được cập nhật hàng ngày, tạo thuận lợi cho việc tính giá vật liệu xuất kho và tính giá thành sản phẩm.

+ Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp để tiết kiệm nguyên vật liệu, công nhân trong công ty được làm theo ca để sử dụng tối đa công suất của máy móc thiết bị sản xuất. Thêm vào đó, phòng kinh doanh đã xây dựng định mức tiêu hao NVL cho từng sản phẩm. Nguyên vật liệu được xuất kho theo định mức để sản xuất sản phẩm sẽ tránh gây lãng phí và giúp cho việc sử dụng hiệu quả cũng như quản lý NVL trong công ty.

+ Phương pháp tính giá NVL xuất kho là thực tế đích danh khá đơn giản, dễ tính và phản ánh được tương đối chính xác chi phí NVLTT trong giá thành sản phẩm.

– Về hình thức trả lương: Công ty trả lương cho công nhân trực tiếp sản xuất theo sản phẩm có tác dụng khuyến khích công nhân hăng hái làm việc, tăng năng suất lao động, tạo cho công nhân có trách nhiệm với sản phẩm làm ra.

– Về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm: Công ty đã vận dụng tuân thủ đúng chế độ kế toán hiện hành, phù hợp với điều kiện và quy trình công nghệ của công ty.

+ Đối tượng kế toán tập hợp chi phí, đối tượng tính giá thành là từng sản phẩm và kỳ tính giá thành theo tháng được xác định khá hợp lý do đặc điểm sản xuất của công ty là sản xuất hàng loạt, sản phẩm có nhiều loại khác nhau.

+ Chi phí sản xuất được phân loại và tập hợp theo khoản mục chi phí một cách rõ ràng, đầy đủ, cung cấp số liệu cần thiết cho công tác tính giá thành sản phẩm. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được tập hợp cho từng loại sản phẩm, các khoản chi phí còn lại được tập hợp chung cho toàn công ty và được phân bổ theo tiêu thức lựa chọn. Việc tập hợp và phân loại chi phí như trên còn giúp nhà quản lý phân tích được từng khoản mục chi phí trong giá thành tăng hay giảm, từ đó xem xét nguyên nhân và đề ra các biện pháp để tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

3.1.2. Những hạn chế trong tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần Hoàng Tân

Ngoài những ưu điểm như trên, trong công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty cổ phần Hoàng Tân vẫn còn một số hạn chế còn tồn tại như:

– Về việc hạch toán tiền lương nghỉ phép của công nhân sản xuất sản phẩm: Công ty không thực hiện trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân sản xuất. Tuy số lượng công nhân trực tiếp sản xuất trong công ty không lớn nhưng nếu công nhân nghỉ nhiều vào một tháng nào đó trong năm sẽ ảnh hưởng đến chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, làm cho tình hình tài chính của công ty bị ảnh hưởng.

– Về hạch toán chi phí sản xuất chung: Chi phí sản xuất chung ở công ty phát sinh nhiều khoản nhưng không được hạch toán vào các tiểu khoản mà hạch toán chung vào TK 627, điều này sẽ gây khó khăn cho việc quản lý và phân tích chi phí.

– Về hạch toán chi phí khấu hao tài sản cố định: Chi phí khấu hao tài sản cố định dùng cho sản xuất sản phẩm tại Công ty không được hạch toán qua TK 627 –

Chi phí sản xuất chung mà hạch toán luôn vào bên Nợ của TK 154 để tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành. Theo quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp điều này là chưa đúng và sẽ làm tổn thời gian khi cuối tháng Công ty phải phân bổ thêm chi phí khấu hao cho sản phẩm.

– Về khoản tiền ăn ca trong Bảng phân bổ lương và Bảo hiểm xã hội: Công ty không đưa khoản tiền ăn ca vào Bảng phân bổ lương và bảo hiểm xã hội nên sẽ gây khó khăn khi đối chiếu giữa chứng từ với sổ sách tiền lương.

– Về việc thực hiện trích kinh phí công đoàn: Trong các khoản trích theo lương công ty không thực hiện trích Kinh phí công đoàn, điều này sẽ làm ảnh hưởng đến chi phí sản xuất trong kỳ và quyền lợi của người lao động.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần Hoàng Tân

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

Hiện nay, sự tồn tại của mỗi doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường là rất khó khăn. Điều này buộc các doanh nghiệp luôn tìm mọi biện pháp nhằm thực hiện quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh với hiệu quả cao nhất. Tiết kiệm được chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm là một trong những biện pháp hàng đầu để nâng cao lợi nhuận của doanh nghiệp. Do đó trong công tác quản lý, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là những chỉ tiêu kinh tế tổng hợp quan trọng để đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như tình hình quản lý và sử dụng các yếu tố sản xuất. Trong quá trình hoạt động kinh doanh của cả doanh nghiệp, kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một phần hành không thể thiếu trong công tác kế toán nhằm cung cấp thông tin cần thiết để tính đúng tính đủ chi phí sản xuất và tính toán chính xác giá thành sản phẩm.

Ngày nay với sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, sự toàn cầu hóa kinh tế, mở rộng thị trường và phạm vi cạnh tranh thì sự phát triển nhu cầu, tính linh hoạt, tính chính xác của thông tin chi phí sản xuất càng đóng một vai trò quan trọng hơn. Đối với các nhà quản trị, những thông tin về tình hình sử dụng chi phí sản xuất đi kèm với kết quả thu được hiện lên trong giá thành sản phẩm cần phải đầy đủ, đảm bảo

độ chính xác và khoa học. Mà muốn có được những thông tin này một cách đầy đủ và chính xác thì phải làm tốt công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Do vậy, hoàn thiện công tác tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp là một yêu cầu khách quan, tất yếu và có ý nghĩa chiến lược với sự phát triển của doanh nghiệp.

3.2.2. Nguyên tắc cơ bản để hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

Công tác hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cần phải dựa trên một số nguyên tắc cơ bản sau:

Trước hết, tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cần phải phù hợp với luật kế toán, chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán, phù hợp với yêu cầu quản lý vĩ mô của Nhà nước. Do mỗi doanh nghiệp có những đặc điểm sản xuất riêng nên vận dụng chế độ kế toán một cách linh hoạt sẽ giúp doanh nghiệp đạt hiệu quả cao trong công tác quản lý.

Thứ hai, doanh nghiệp phải xác định đúng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất, lựa chọn phương pháp tập hợp, tiêu thức phân bổ chi phí thích hợp. Xác định đúng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất thì chi phí sản xuất được tập hợp đầy đủ, chính xác, không bị chồng chéo, bỏ sót. Lựa chọn phương pháp tập hợp chi phí sản xuất phù hợp sẽ giúp cho việc tập hợp chi phí được khách quan, khoa học, dễ hiểu. Lựa chọn phương pháp phân bổ thích hợp với đặc điểm ngành nghề kinh doanh, đặc điểm về tổ chức quản lý của công ty sẽ giúp cho việc phân bổ chi phí cho các đối tượng được khách quan, chính xác.

Thứ ba, phải xác định đúng đối tượng tính giá thành và lựa chọn phương pháp tính giá thành thích hợp. Giá thành sản phẩm chính là cơ sở để tính toán và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Do vậy cần xác định đúng đối tượng và phương pháp tính giá thành.

Thứ tư, đảm bảo sự tiết kiệm và hiệu quả trong việc tổ chức công tác kế toán ở doanh nghiệp. Đối với đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kế toán phải có trình độ chuyên môn phù hợp với công tác kế toán. Tổ chức công tác kế toán tập hợp chi

phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phải đảm bảo nguyên tắc gọn nhẹ, tiết kiệm, hiệu quả.

Thứ năm, đảm bảo thực hiện tốt chức năng thông tin cho nhà quản lý vì mục tiêu của việc hoàn thiện công tác kế toán là cung cấp thông tin kịp thời, chính xác để nhà quản trị ra các quyết định đúng đắn.

3.2.3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần Hoàng Tân

Công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty cổ phần Hoàng Tân đã có những mặt tích cực như Công ty đã tuân thủ theo đúng chế độ kế toán của Nhà nước, bộ máy kế toán tương đối phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh của công ty. Tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn một số vấn đề chưa thật hợp lý và tối ưu. Dưới góc độ của một sinh viên thực tập em xin đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty như sau:

3.2.3.1. Kiến nghị 1: Tổ chức hạch toán tiền lương nghỉ phép của công nhân sản xuất sản phẩm

Chi phí tiền lương nghỉ phép của công nhân trực tiếp sản xuất có thể phát sinh đột biến vào một tháng nào đó trong năm tài chính nếu doanh nghiệp không tính và trích trước tiền lương nghỉ phép trong năm.

Trong Chi phí nhân công trực tiếp của công ty không có khoản trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm. Tuy số lượng công nhân sản xuất không nhiều nhưng nếu nghỉ nhiều vào một tháng thì sẽ gây biến động trong chi phí sản xuất, từ đó ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm. Vì vậy công ty nên trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân sản xuất sản phẩm. Số tiền trích trước có thể tính bằng công thức:

$$\frac{\text{Số tiền trích trước tiền lương nghỉ phép}}{\text{Tiền lương thực tế phải trả CNTTSX trong tháng}} = \text{Tỷ lệ trích trước}$$

$$\frac{\text{Tỷ lệ Trích trước}}{= \frac{\text{Tổng tiền lương nghỉ phép kế hoạch năm phải trả CNV}}{\text{Tổng tiền lương kế hoạch năm phải trả CNV}}}$$

Để phản ánh khoản trích trước và thanh toán tiền lương nghỉ phép của công nhân trực tiếp sản xuất, kế toán sử dụng TK 335 - Chi phí phải trả. Các nghiệp vụ trích trước tiền lương nghỉ phép được hạch toán:

– Căn cứ vào kế hoạch trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân sản xuất, kế toán ghi:

Nợ TK 622

Có TK 335

– Khi có lao động trực tiếp nghỉ phép, để phản ánh khoản tiền lương thực tế phải trả cho họ, kế toán ghi:

Nợ TK 335

Có TK 334

– Cuối kỳ, nếu số trích trước lớn hơn số thực tế phát sinh thì kế toán ghi bút toán điều chỉnh:

Nợ TK 335

Có TK 622

– Nếu số trích trước nhỏ hơn số thực tế phát sinh thì kế toán tiến hành trích bổ sung:

Nợ TK 622

Có TK 335

Việc trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm sẽ góp phần giúp công ty ổn định chi phí sản xuất. Theo đó, chi phí sản xuất sẽ được phản ánh đầy đủ hơn và giá thành sản phẩm sẽ không bị giảm đột ngột nếu có nhiều công nhân nghỉ phép trong kỳ.

3.2.3.2. Kiến nghị 2: Hạch toán chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung phát sinh tại Công ty cổ phần Hoàng Tân bao gồm nhiều loại như: Lương nhân viên phân xưởng, Chi phí công cụ dụng cụ, Chi phí dịch vụ mua ngoài... đều được hạch toán chung vào tài khoản 627 – Chi phí sản xuất chung mà không tiến hành phân loại theo từng khoản mục chi phí.

Cách tập hợp này khá đơn giản nhưng khó theo dõi được tính chất và hoàn cảnh phát sinh của từng loại chi phí trong chi phí sản xuất chung. Ngoài ra sẽ gây khó khăn khi muốn xác định tỉ trọng và mức độ tăng giảm của từng loại chi phí trong tổng chi phí sản xuất chung khi tiến hành phân tích chi phí.

Vì vậy công ty nên chia TK 627 ra thành các tiểu khoản và tập hợp từng loại chi phí vào các khoản mục chi phí riêng biệt. Theo đúng chế độ kế toán thì khoản mục Chi phí sản xuất chung của công ty phải bao gồm các tiểu khoản sau:

- + TK 6271: Chi phí nhân viên phân xưởng
- + TK 6272: Chi phí vật liệu
- + TK 6273: Chi phí dụng cụ sản xuất
- + TK 6274: Chi phí khấu hao TSCĐ
- + TK 6277: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6278: Chi phí bằng tiền khác

Hàng tháng, khi phát sinh các nghiệp vụ liên quan tới chi phí sản xuất chung kế toán ghi nhận như sau:

- Tính lương cho nhân viên phân xưởng:

Nợ TK 6271

Có TK 334, TK 338

- Xuất nguyên vật liệu phục vụ cho phân xưởng:

Nợ TK 6272

Có TK 152

- Xuất công cụ dụng cụ phục vụ cho phân xưởng:

- + Nếu giá trị công cụ dụng cụ được phân bổ một lần

Nợ TK 6273

Có TK 153

- + Nếu giá trị công cụ dụng cụ được phân bổ nhiều lần

Nợ TK 142 (Phân bổ dưới một năm)

Nợ TK 6273

Nợ TK 242 (Phân bổ trên một năm)

Có TK 142

Có TK 153

Có TK 242

- Trích khấu hao tài sản cố định trong tháng:

Nợ TK 6274

Có TK 214

- Chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho phân xưởng:

Nợ TK 6277

Có TK 111, 112, 331

- Chi phí bằng tiền khác phục vụ cho phân xưởng:

Nợ TK 6278

Có TK 111, 112, 331

Khi đã xây dựng hệ thống tiểu khoản của TK 627, các khoản chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ của công ty sẽ được hạch toán và thể hiện trên Sổ chi tiết TK 627 theo từng khoản mục (Biểu số 3.1) để tiện theo dõi và phân tích.

Việc hạch toán cụ thể từng loại chi phí sản xuất chung phát sinh sẽ giúp công ty theo dõi được sự phát sinh, xác định và so sánh được tỉ trọng của từng loại chi phí. Đối với những chi phí có tỉ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất chung sẽ được theo dõi chặt chẽ hơn, hạn chế tối đa những khoản chi phí không hợp lý. Từ đó đề ra biện pháp nhằm tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

SỔ CHI TIẾT TK 627

Tháng 12 năm 2009

Diễn giải	TKĐƯ	Tổng số	Chia ra					
			6271	6272	6273	6274	6277	6278
Lương nhân viên phân xưởng	334	24.836.646	24.836.646					
BHXH, BHYT, BHTN	338	2.377.440	2.377.440					
Nhiên liệu	152	239.091		239.091				
Công cụ dụng cụ	153	36.345.195			36.345.195			
Khấu hao TSCĐ	214	65.908.447				65.908.447		
Trích trước tiền điện	335	76.021.432					76.021.432	
Tiền ăn ca	111	3.154.000	3.154.000					
Sửa chữa máy móc	111	5.010.000						5.010.000
Phân bổ chi phí ngắn hạn	142	5.842.857			5.842.857			
.....								
Cộng		264.683.054	30.368.086	239.091	42.188.052	65.908.447	78.730.199	47.249.179

Biểu 3.1. Sổ chi tiết TK 627

3.2.3.3. Kiến nghị 3: Hạch toán chi phí khấu hao tài sản cố định

Tại Công ty cổ phần Hoàng Tân, sau khi trích khấu hao tài sản cố định dùng cho sản xuất trong công ty thì kế toán kết chuyển thẳng vào bên Nợ của TK 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang để tập hợp chi phí sản xuất. Khi tính giá thành kế toán sẽ tiến hành phân bổ chi phí khấu hao cho từng sản phẩm theo tiêu thức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp giống như với Chi phí sản xuất chung. Như vậy kế toán sẽ tốn thêm thời gian để tiến hành phân bổ chi phí, khó theo dõi tổng chi phí sản xuất chung và không đúng với chế độ kế toán hiện hành. Mà theo quy định của chế độ kế toán hiện hành thì Chi phí khấu hao tài sản cố định là một phần của Chi phí sản xuất chung và được hạch toán vào TK 627 - Chi phí sản xuất chung.

Vì vậy công ty nên sử dụng TK 627, tiểu khoản 6274 – Chi phí khấu hao tài sản cố định, để hạch toán chi phí khấu hao tài sản cố định rồi sau đó mới tiến hành phân bổ Chi phí sản xuất chung để tính giá thành sản phẩm. Như vậy khi trích khấu hao tài sản cố định, kế toán sẽ định khoản:

Nợ TK 6274 : 65.908.447

Có TK 214 : 65.908.447

Khi hạch toán như vậy sẽ giúp kế toán tiết kiệm thời gian tập hợp, phân bổ chi phí và không làm chi phí sản xuất chung bị chia nhỏ giúp cho việc phân tích các khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm được thuận tiện hơn. Thêm vào đó sẽ đảm bảo việc thực hiện đúng chế độ kế toán của công ty.

3.2.3.4. Kiến nghị 4: Đưa khoản tiền ăn ca vào Bảng phân bổ lương và bảo hiểm xã hội

Hiện nay khi hạch toán khoản tiền ăn ca của người lao động trong công ty, kế toán nhập dữ liệu vào phần mềm và máy tính sẽ tổng hợp tự động vào các sổ sách có liên quan. Đến cuối tháng khi tập hợp chi phí sản xuất tính giá thành, máy tính sẽ tự động tập hợp vào Chi phí nhân công trực tiếp và kết chuyển sang TK 154. Tuy nhiên khoản tiền này không được thể hiện trên Bảng phân bổ lương và bảo hiểm xã hội do kế toán lập. Vì vậy khi đối chiếu tổng cộng số phát sinh của TK 622 ở Bảng phân bổ lương và bảo hiểm xã hội với Chứng từ ghi sổ kết chuyển chi

phí nhân công trực tiếp và Bảng tính giá thành sẽ có sự chênh lệch, gây khó khăn cho người theo dõi.

Vì vậy công ty nên đưa thêm cột Tiền ăn ca vào Bảng phân bổ lương và bảo hiểm xã hội để đảm bảo sự thống nhất giữa Bảng phân bổ lương và BHXH và Chứng từ ghi sổ, Bảng tính giá thành. Làm như vậy sẽ giúp nhà quản lý tiện theo dõi, kiểm tra và phân tích sự biến động của Chi phí nhân công trực tiếp. Bảng phân bổ lương và Bảo hiểm xã hội có thể theo như Biểu số 3.2 sau:

BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM THÁNG 12/2009

Đối tượng sử dụng	GHI CỐ TÀI KHOẢN 334						GHI CỐ TÀI KHOẢN 338				Tiền ăn ca
	Lương CB, khoản CĐ	Lương SP	Lương DT	Phụ cấp TN	Lương khác	Cộng TK 334	BHTN 1%	BHXX 15%	BHYT 2%	Cộng TK 338	
*TK 622 - Lương CN sx		68.129.615			11.404.230	79.533.845	352.495	5.287.425	704.990	6.344.910	8.256.000
- Phân xưởng sản xuất		68.129.615			5.504.230	73.633.845	352.495	5.287.425	704.990	6.344.910	8.256.000
- Phân bổ thêm tiền tết NĐ					5.900.000	5.900.000				-	
*TK 627		15.544.046		200.000	9.090.600	24.836.646	132.080	1.981.200	264.160	2.377.440	3.154.000
- Lương gián tiếp		15.544.046		200.000	3.242.600	18.986.646	132.080	1.981.200	264.160	2.377.440	3.154.000
-Phân bổ tiền lương TN TPPT11 , tiền tết NĐ					2.250.000	2.250.000				-	
-Tiền lương ngày 31/12					3.600.000	3.600.000				-	
*TK 641- Lương bán hàng, bốc nhự			5.216.398			5.216.398					
*TK 642	10.664.286	16.121.615		65.000	9.708.300	36.559.201	212.550	3.188.250	425.100	3.825.900	4.416.000
*Phân bổ tiền lương bs quý 4					4.900.000	4.900.000				-	
*Tiền lương ngày 31/12					3.000.000	3.000.000				-	
* Tiền lương khối HC	10.664.286	16.121.615		65.000	1.808.300	28.659.201	212.550	3.188.250	425.100	3.825.900	
- Kế toán + HC		16.121.615		65.000	1.785.000	17.971.615	126.100	1.891.500	252.200	2.269.800	
- Tổ bảo vệ	8.500.000				23.300	8.523.300	68.770	1.031.550	137.540	1.237.860	
- Tổ tạp vụ	2.164.286					2.164.286	17.680	265.200	35.360	318.240	
*TK 111 - BHXX, BHYT, BHTN người LĐ nộp (7%)						-	697.125	3.485.625	697.125	4.879.875	
*Phải thu tiền BHYT - TK 1388 Nguyễn Thị Nga						-	23.140	231.400	34.710	289.250	
Cộng	10.664.286	99.795.276	5.216.398	265.000	30.205.130	146.146.090	1.417.390	14.173.900	2.126.085	17.717.375	15.826.000

Biểu số 3.2. Bảng phân bổ tiền lương và Bảo hiểm xã hội

3.2.3.5. Kiến nghị 5: Tiến hành trích kinh phí công đoàn

Tại Công ty cổ phần Hoàng Tân đã tiến hành trích BHYT, BHTXH, BHTN theo như chính sách tiền lương của Nhà nước nhưng công ty không trích KPCĐ. Điều này sẽ làm ảnh hưởng ít nhiều đến quyền lợi của người lao động và đến chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm của công ty.

Do vậy công ty nên tiến hành trích kinh phí công đoàn. Khác với BHYT, BHTXH, BHTN; KPCĐ sẽ được trích lập theo tỷ lệ quy định trên tổng số tiền lương thực tế phải trả cho người lao động phát sinh trong tháng. Tỷ lệ trích KPCĐ hiện hành là 2% trên tổng quỹ lương thực tế của người lao động, được tính cả vào chi phí sản xuất.

Đề hạch toán KPCĐ, kế toán sử dụng tài khoản 338 – Phải trả, phải nộp khác, tiểu khoản 3382 - Kinh phí công đoàn. Hàng tháng, khi trích KPCĐ vào chi phí sản xuất kế toán ghi:

Nợ TK 622, 627

Có TK 3382

Khoản KPCĐ nếu công ty trích trong kỳ này là:

Nợ TK 622 : 1.472.677

Nợ TK 627 : 379.733

Có TK 3382 : 1.852.410

Như vậy tổng chi phí sản xuất trong kỳ sẽ tăng thêm 1.852.410 đ, làm tổng giá thành sản phẩm tăng lên tương ứng. Khoản trích này sẽ được thể hiện trên Bảng phân bổ tiền lương và BHXH như đối với các khoản trích khác (Biểu số 3.3).

Việc trích kinh phí công đoàn sẽ góp phần đảm bảo quyền lợi của người lao động cũng như thể hiện sự quan tâm của công ty với họ. Điều này sẽ khuyến khích người lao động hăng hái làm việc, có tinh thần trách nhiệm hơn với công việc của mình. Đồng thời khi trích KPCĐ thì chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm của công ty sẽ được hạch toán chính xác và đầy đủ hơn.

BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI

Đối tượng sử dụng	GHI CÓ TÀI KHOẢN 334				GHI CÓ TÀI KHOẢN 338					GHI CÓ	GHI CÓ
	Lương CB, khoản CĐ	Lương sản phẩm	...	Cộng TK 334	BHTN 1%	BHXH 15%	BHYT 2%	KPCĐ 2%	Cộng TK 338	TK33 5	TK111
*TK 622 - Lương CN sx		68.129.615		79.533.845	352.495	5.287.425	704.990	1.472.677	7.817.587		8.256.000
- Phân xưởng sản xuất		68.129.615		73.633.845	352.495	5.287.425	704.990	1.472.677	7.817.587		8.256.000
- Phân bổ thêm tiền tết NĐ				5.900.000					-		
*TK 627		15.544.046		24.836.646	132.080	1.981.200	264.160	379.733	2.757.173		3.154.000
- Lương gián tiếp		15.544.046		18.986.646	132.080	1.981.200	264.160	379.733	2.757.173		3.154.000
-Phân bổ tiền lương TN TPPT11 , tiền tết NĐ				2.250.000					-		
-Tiền lương ngày 31/12				3.600.000					-		
*TK 641- Lương bán hàng, bốc nhựa				5.216.398					-		
*TK 642	10.664.286	16.121.615		36.559.201	212.550	3.188.250	425.100	573.184	4.399.084		4.416.000
*Phân bổ tiền lương bs quý 4				4.900.000					-		
*Tiền lương ngày 31/12				3.000.000					-		
* Tiền lương khối HC	10.664.286	16.121.615		28.659.201	212.550	3.188.250	425.100	573.184	4.399.084		
- Kế toán + HC		16.121.615		17.971.615	126.100	1.891.500	252.200	359.432	2.629.232		
- Tổ bảo vệ	8.500.000			8.523.300	68.770	1.031.550	137.540	170.466	1.408.326		
- Tổ tạp vụ	2.164.286			2.164.286	17.680	265.200	35.360	43.286	361.526		
*TK 111 - BHXH, BHYT, BHTN người LĐ nộp (7%)				-	697.125	3.485.625	697.125		4.879.875		
*Phải thu tiền BHYT - TK 1388 Nguyễn Thị Nga					23.140	231.400	34.710		289.250		
Cộng	10.664.286	99.795.276		146.146.090	1.417.390	14.173.900	2.126.085	2.425.594	20.142.969		15.826.000

Biểu số 3.3.Mẫu bảng phân bổ tiền lương và Bảo hiểm xã hội

KẾT LUẬN

Coi trọng và làm tốt công tác kế toán, đặc biệt là kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một nhiệm vụ hàng đầu của các doanh nghiệp sản xuất hiện nay. Từ công tác kế toán này, nhà quản lý sẽ có được thông tin cần thiết để phân tích và tìm ra các biện pháp tiết kiệm chi phí, hạ được giá thành sản phẩm mang lại lợi nhuận cao cho doanh nghiệp. Do vậy kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phải ngày càng đổi mới và hoàn thiện để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của công tác quản lý trong doanh nghiệp.

Qua thời gian thực tập tại Công ty cổ phần Hoàng Tân, em đã nắm bắt được thực tế tổ chức công tác kế toán và đi sâu nghiên cứu tìm hiểu phần hành kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Từ những tìm hiểu và nghiên cứu đó, em nhận thấy công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty nhìn chung có ưu điểm là đã tuân thủ theo đúng chế độ của Nhà nước, bộ máy kế toán gọn nhẹ nhưng vẫn đáp ứng được khối lượng công việc tương đối lớn. Tuy nhiên bên cạnh đó cũng còn tồn tại một số hạn chế cần khắc phục.

Vì thời gian thực tập không nhiều và trình độ còn hạn chế nên bài khóa luận tốt nghiệp của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy em rất mong nhận được sự chỉ bảo, đóng góp ý kiến của thầy cô và các bạn để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn thầy giáo hướng dẫn ThS. Nguyễn Văn Thụ, các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học dân lập Hải Phòng cùng các cô chú trong Ban giám đốc và Phòng kế toán Công ty cổ phần Hoàng Tân đã giúp đỡ em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp.

Sinh viên

Nguyễn Thị Phương Nhung

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kế toán tài chính (Nhà xuất bản thống kê, năm 2009)
Chủ biên: TS. Phan Đức Dũng.
2. Kế toán chi phí giá thành (Nhà xuất bản Thống kê, năm 2007).
Chủ biên: TS. Phan Đức Dũng.
3. Kế toán và phân tích Chi phí – Giá thành trong doanh nghiệp (Nhà xuất bản tài chính, năm 2006).
Chủ biên: PGS.TS. Nguyễn Đình Đỗ.
TS. Nguyễn Trọng Cơ.
4. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Nhà xuất bản tài chính, năm 2006).
Quyển 1: Hệ thống tài khoản kế toán.
Quyển 2: Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán.
5. Tài liệu, sổ sách kế toán do Công ty cổ phần Hoàng Tân cung cấp.
6. Một số luận văn của sinh viên các khóa trước.